



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ống KHÍ NAM CÔN SƠN

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số: 31306

Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Bên Mời Thầu



(Handwritten signature)

**Nguyễn Đình Định
Trưởng phòng kinh doanh**



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu qua mạng
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
Chủ đầu tư/ Bên mời thầu/ NCSP	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN
Tổng công ty	TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
Quy định của Tổng công ty	Quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ https://muasamcong.mpi.gov.vn/
VND	Đồng Việt Nam

**** Hồ sơ mời thầu này được xây dựng dựa trên:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ngày 15/12/2000 được ký kết giữa 3 Chủ đầu tư của NCSP.
- “Quy định về Lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP” ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11/04/2024 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (PVGas);
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- Các quy định pháp luật khác có liên quan



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT;
 - Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
 - Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
 - Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính; và
 - Mục 5: Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)
- là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào các biểu mẫu tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSĐT trên Hệ thống và *đăng tải các file đính kèm lên Hệ thống*.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (theo Biểu mẫu hợp đồng)

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên hệ thống.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong</p>



	<p>lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;</p> <p>h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà</p>
--	---



	<p>thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây:</p> <p>5.1. Là Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Tổng công ty.</p> <p>5.2. Nhà thầu không thuộc Khoản 5.1 Mục này đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu vận dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn.</p> <p>5.3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p>



	<p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d và g, Khoản 5.2 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4, cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi hồ sơ mời thầu được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ.</p>



	<p>Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh <i>Hệ thống trích xuất</i> theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo qui định tại Mục 16 E-CDNT;</p>



	<p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo qui định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu điền giá vào Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất (cơ sở cho Biên bản mở thầu) đồng thời Scan Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 lên Hệ thống.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần</p>



	<p>của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam.
15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSĐT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSĐT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSĐT	<p>17.1. E-HSĐT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSĐT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSĐT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSĐT thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong</p>



	<p>trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu (không áp dụng)</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu</p>



nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn



	<p>10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư</p>



	<p>và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở thầu	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu;



	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSĐT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSĐT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện</p>



	<p>việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT	<p>25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
26. Sai sót không nghiêm trọng	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p>



	<p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ <i>(không áp dụng)</i></p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đấu thầu thì sẽ bị xử lý theo quy định e tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6 Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT;</p>



	thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	<p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút</p>



	<p>gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSĐT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSĐT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSĐT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSĐT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSĐT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSĐT.</p> <p>29.3. <u>Quy trình 1</u> (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <p>- Đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSĐT đối với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <p>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p>



	<p>- Đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT;</p> <p>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá;</p> <p>- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.</p> <p>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất):</p> <p>a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau khi sửa lỗi, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.</p> <p>đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.</p> <p>29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Đối với các nội dung bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự</p>
--	--



bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSMT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSMT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSMT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSMT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform



	<p>và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm đã được đánh giá là “đạt” theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là “không đạt” thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ “đạt” thành “không đạt”. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3</p>



	<p>Chương III;</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt, làm căn cứ phê duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Tổng Công ty hoặc thực hiện trái với, quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Giá dự thầu/ đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà Cấp có thẩm quyền xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định;</p> <p>đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm đ và điểm e Mục 32.1 E-CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSMT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư;



	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII</p>



	<p>cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Biểu mẫu hợp đồng thuộc Chương VIII. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NCSP).
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP Tên dự án/ dự toán mua sắm: Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này
E-CDNT 3	Nguồn vốn: <i>Vốn sản xuất kinh doanh.</i> (Áp dụng Quy định về lựa chọn nhà thầu ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐ-KVN ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần)
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đầu thầu: Không <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thời gian: __ giờ 00, Thứ Tư, 24 Tháng Chín 2025 ▪ Địa điểm tổ chức hội nghị tiền đầu thầu: CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN (NCSP) Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh ▪ Số điện thoại người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị: Điện thoại: Choose an item. ext. Choose an item. Người liên hệ: Choose an item. – Chuyên viên mua sắm Phòng Hợp đồng & Cung ứng Vật tư Email: Choose an item.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: theo qui định của Hệ thống https://muasamcong.mpi.gov.vn/
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: <i>như yêu cầu trong E-HSMT</i>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 30 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: Không áp dụng
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.



E-CNDT 28.2	<p>Cách tính ưu đãi: theo quy định của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.</p> <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau:</p> <p>- Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng.</p>
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSĐT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: <i>Đạt/ Không đạt</i> - Đánh giá về kỹ thuật: <i>Đạt/ Không đạt</i> - Đánh giá về tài chính: <i>áp dụng Phương pháp giá thấp nhất</i>
E-CDNT 29.3(d)	<p>Xếp hạng nhà thầu: <i>Nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT, sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</i></p>
E-CDNT 31.4	<p>Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất.</p>
E-CDNT 31.5	<p>Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: <i>Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.</i></p>
E-CDNT 34.1	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: <i>10%</i>; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: <i>10%</i>.</p>
E-CDNT 34.2	<p>- Tùy chọn mua thêm: <i>không áp dụng</i> theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: <i>0%</i></p>
E-CDNT 38.2	<p>Người có thẩm quyền</p> <p>CÔNG TY ĐƯỜNG ÓNG KHÍ NAM CÔN SƠN</p> <p>Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TP. Hồ Chí Minh Tel: (0254) 3 864100; Fax: (0254) 3 864099</p> <p>Người nhận: Choose an item. – Chuyên viên mua sắm Phòng Hợp đồng – Cung ứng Vật tư Email: Choose an item.</p> <p>C/c: Nguyễn Khắc Diệu Phương Trưởng nhóm Hợp đồng – Cung ứng Vật tư Email: phuong.nguyen@ncsp.com.vn</p> <p>Nguyễn Đình Định - Trưởng Phòng Kinh Doanh Email: ding.nguyen@ncsp.com.vn</p>



Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá chào ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
2. Thời gian có hiệu lực của E-HSDT đáp ứng yêu cầu của Mục CDNT 17.1;
3. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 07 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;
5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;
6. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
7. Có văn bản cam kết mở bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của E-HSMT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải



VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

CÁC TIÊU CHÍ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM			CÁC YÊU CẦU CẦN TUÂN THỦ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	YÊU CẦU	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: <i>Kiểm định van an toàn áp lực của công trình dầu khí</i> - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 98.000.000 VND (bao gồm VAT).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được quy định trong bảng dưới đây. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

TT	VỊ TRÍ CÔNG VIỆC	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn
1	Kiểm định viên	02		Chứng chỉ kiểm định viên (bao gồm kiểm định bình chịu áp lực) còn hiệu lực do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp của Bộ Công Thương cấp.

GHI CHÚ:

- Nhà thầu kê khai lý lịch nhân sự theo Mẫu số 6A, 6B, 6C thuộc Chương IV, E-HSMT và nộp kèm bản chụp các chứng chỉ/ bằng cấp theo yêu cầu nêu trên.
- Nhà thầu cung cấp danh sách các kiểm định viên đề xuất cho dịch vụ này và đầy đủ bản sao chứng chỉ kiểm định viên của các kiểm định viên. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu chứng chỉ của kiểm định viên hết hạn thì nhà thầu có văn bản cam kết cung cấp chứng chỉ có hiệu lực trước ngày 01/04/2026



b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: *Không áp dụng*

Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về vật tư, thiết bị chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật E-HSDT của nhà thầu như quy định tại bảng sau đây.



Bảng 04 – Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định an toàn lao động (có đối tượng kiểm định là bình chịu áp lực) còn hiệu lực do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp của Bộ Công Thương cấp. (<i>Cung cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định KT AT LD</i>)	Đạt yêu cầu	Không đạt yêu cầu
2	Đã thực hiện ít nhất 3 hợp đồng kiểm định van an toàn áp lực từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu.	Cung cấp bản sao hợp đồng đã và đang thực hiện	Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ bản sao hợp đồng đã và đang thực hiện
3	Nhà thầu cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu tại Mục 2.1 – Phạm vi công việc, quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật	Có cam kết	Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ
4	Nhà thầu cam kết: - Kiểm định viên chứng giám quá trình kiểm định phải có Thẻ an toàn cho người được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3. - Tất cả các kiểm định viên của nhà thầu phải được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) tối thiểu theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành (Thông tư số: 25/2022/TTBLĐTBXH). - Các kiểm định viên sẽ được NCSP hướng dẫn an toàn trước khi vào thực hiện công việc. - Các nhân sự của nhà thầu tới Nhà máy xử lý NCSP phải tuân thủ các yêu cầu về An ninh, An toàn, Sức khỏe và Môi trường (HSES) của NCSP tại tài liệu HSE-3000-MP-0044.	Có cam kết	Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ
	KẾT LUẬN	ĐẠT: <i>Tất cả các nội dung/ yêu cầu nêu trên được đánh giá “Đạt”</i>	KHÔNG ĐẠT: <i>Có bất kỳ nội dung/ yêu cầu nào nêu trên được đánh giá “Không đạt”</i>

Ghi chú:

- NCSP có quyền yêu cầu nhà thầu trình bản gốc của các bản sao chứng chỉ, hồ sơ, ... để so sánh, đối chiếu trong quá trình đánh giá E-HSDT và thương thảo hợp đồng.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.



Mục 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế VAT;
- Bước 2. Sửa lỗi theo qui định tại ghi chú (1) dưới đây;
- Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo qui định tại ghi chú (2) dưới đây;
- Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có);
- Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;
- Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế VAT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

** GHI CHÚ:

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:
 - a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;
 - b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;
 - c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b nêu trên;
 - d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định theo nguyên tắc này khác với số lượng nêu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 2 – Hiệu chỉnh sai lệch về Phạm vi cung cấp dưới đây;
 - e) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
2. Hiệu chỉnh sai lệch về phạm vi cung cấp:
 - a) Sai lệch về phạm vi cung cấp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn:
Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công



việc thì được coi là sai lệch thiếu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu thì được coi là phần chào thiếu trong hồ sơ dự thầu và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Hạng mục công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong hồ sơ mời thầu được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các hồ sơ dự thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong hồ sơ mời thầu thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong hồ sơ dự thầu.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.
4. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:
Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 2 nêu trên vẫn được xếp hạng thứ nhất và hồ sơ dự thầu của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các hồ sơ dự thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).
5. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 nêu trên, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của bên mời thầu thì hồ sơ



dự thầu của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của bên mời thầu không phù hợp, chính xác.

Mục 5. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ TRONG E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng

Mục 6. TRƯỜNG HỢP GÓI THẦU CHIA THÀNH NHIỀU PHẦN ĐỘC LẬP (nếu có)

Không áp dụng



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

TT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi Cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Webform		X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Không áp dụng		
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 6D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu (<i>không áp dụng</i>)	Không áp dụng		
11	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu (<i>không áp dụng</i>)	Không áp dụng		
13	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ (<i>không áp dụng</i>)			
14	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu (<i>không áp dụng</i>)			
15	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
16	Mẫu số 11. Bảng Tổng hợp giá dự thầu Mẫu số 11A. Bảng chào giá chi tiết			X
17	Mẫu số 12. Bản cam kết			X



PHẠM VI CUNG CẤP

Nhà thầu cung cấp nhân lực, trang thiết bị và thực hiện **Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP**, bao gồm:

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu ước tính	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ
	Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP, bao gồm các hạng mục sau:					
1	Phí kiểm định van an toàn kích thước đến 1"	Chi tiết tại tài liệu "Phạm vi Công việc" thuộc Chương V, E-HSMT này	72	Cái	Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh	Dự kiến từ 01/04/2026 đến 31/12/2029
2	Phí kiểm định van an toàn kích thước từ > 1" đến < 4"		72	Cái		
3	Phí kiểm định van an toàn kích thước từ 4" đến 6"		16	Cái		
4	Chi phí cho 01 kiểm định viên làm việc trong giờ hành chính thường trực tại nhà máy của NCSP phục vụ kiểm định van an toàn		80	Ngày		
5	Chi phí đi lại cho 01 kiểm định viên đi từ văn phòng của nhà thầu đến nhà máy của NCSP và ngược lại phục vụ kiểm định van an toàn		80	Chuyến		

* Ghi chú: Khối lượng nêu trên là ước tính, việc thanh toán sẽ dựa trên khối lượng thực tế được xác nhận bởi đại diện các bên



Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;



7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đố trúng thầu⁽³⁾

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này;

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.



Mẫu số 03 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: ____

Gói thầu: ____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ____

Căn cứ⁽²⁾ ____Căn cứ⁽²⁾ ____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ____

Mã số thuế: ____;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:



Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:



STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu thuộc dự án/ dự toán mua sắm theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]



Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu
- (2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.



Mẫu số 04A (Không áp dụng)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung



trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 04B (Không áp dụng)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng Trong trường hợp nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;



6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại **E-TBMT**. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



Mẫu số 05 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.



Mẫu số 06A (Scan đính kèm lên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của nhà thầu và ghi thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSDT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		



BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải chuẩn bị tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.



Mẫu số 06D (Không yêu cầu)**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2024/NĐ-CP.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		



Mẫu số 07 (Scan đính kèm)**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phản việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.



Mẫu số 08 (Không áp dụng)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

**** LƯU Ý:** Nhà thầu nộp kèm bản chụp báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 3 năm kê khai nêu trên

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.



Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



Mẫu số 09A (không áp dụng)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT.



Mẫu 09B (Không áp dụng)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu ước tính	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ	Thời gian thực hiện dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP, bao gồm các hạng mục sau:				Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh	Dự kiến từ 01/04/2026 đến 31/12/2029	
1	Phí kiểm định van an toàn kích thước đến 1"	<i>Chi tiết tại tài liệu "Phạm vi công việc" thuộc Chương VI, E-HSMT</i>	72	Cái			
2	Phí kiểm định van an toàn kích thước từ > 1" đến < 4"		72	Cái			
3	Phí kiểm định van an toàn kích thước từ 4" đến 6"		16	Cái			
4	Chi phí cho 01 kiểm định viên làm việc trong giờ hành chính thường trực tại nhà máy của NCSP phục vụ kiểm định van an toàn		80	Ngày			
5	Chi phí đi lại cho 01 kiểm định viên đi từ văn phòng của nhà thầu đến nhà máy của NCSP và ngược lại phục vụ kiểm định van an toàn		80	Chuyến			

Ghi chú:

- Cột (8): Nhà thầu điền.



Mẫu số 11 (Scan đính kèm lên Hệ thống)**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1		<i>(A)</i> <i>[Kết chuyển từ Mẫu 11A]</i>
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	<i>(V)</i> <i>(bao gồm VAT)</i>



BẢNG CHÀO GIÁ CHI TIẾT

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC/ DỊCH VỤ	Đơn vị tính	Khối lượng (ước tính)	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)*(5)
	Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP, bao gồm các hạng mục sau:				
1	Phí kiểm định van an toàn kích thước đến 1"	Cái	72		
2	Phí kiểm định van an toàn kích thước từ > 1" đến < 4"	Cái	72		
3	Phí kiểm định van an toàn kích thước từ 4" đến 6"	Cái	16		
4	Chi phí cho 01 kiểm định viên làm việc trong giờ hành chính thường trực tại nhà máy của NCSP phục vụ kiểm định van an toàn	Ngày	80		
5	Chi phí đi lại cho 01 kiểm định viên đi từ văn phòng của nhà thầu đến nhà máy của NCSP và ngược lại phục vụ kiểm định van an toàn	Chuyến	80		
	CỘNG (chưa bao gồm VAT)				A
	Thuế VAT (%)				b
	TỔNG GIÁ CHÀO THẦU (bao gồm VAT %)				V

GHI CHÚ:

- Nhà thầu chào giá vào các cột/ dòng/ hạng mục ở bảng trên;
- Nhà thầu tuân thủ các công thức tính toán đã hướng dẫn để tính toán số liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đưa ra

“CỘNG (chưa bao gồm VAT) – A trong Bảng trên chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu”

Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế VAT. Thuế suất VAT áp theo thuế suất tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. (Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thuế suất VAT sẽ được điều chỉnh theo qui định thuế hiện hành tại thời điểm xuất hoá đơn.).

Khối lượng nêu trên là ước tính, việc thanh toán sẽ dựa trên khối lượng thực tế được xác nhận bởi đại diện các bên.



Mẫu 12 (scan đính kèm lên hệ thống)**BẢN CAM KẾT**

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT _____ [Ghi tên gói thầu theo E-TBMT], văn bản sửa đổi số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm E-HSMT do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu], bằng văn bản này, chúng tôi cam kết:

1. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ, vật tư/ hàng hóa theo đúng quy định của E-HSMT;
2. Hiểu rõ yêu cầu của Phạm vi công việc và đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung như yêu cầu trong Phạm vi công việc;
3. Mở bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo đúng yêu cầu của hợp đồng;
4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.
5. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Mục 2.1 – Phạm vi công việc, quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật
6. Tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường của NCSP theo tài liệu:
 - HSE-3000-MP-0044 “Yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh đối với nhà thầu của NCSP”
7. Kiểm định viên chứng giám quá trình kiểm định có Thẻ an toàn cho người được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3.
8. Tất cả các kiểm định viên được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) tối thiểu theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành (Thông tư số: 25/2022/TTBLĐTBXH).

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Nhà thầu cung cấp vật tư, nhân lực và trang thiết bị để thực hiện công việc: ***Cung cấp Dịch vụ Kiểm định van an toàn áp lực từ 04/2026 đến 03/2029 cho NCSP*** như nêu chi tiết tại tài liệu “PHẠM VI CÔNG VIỆC” đính kèm.



Description	Very low	Low	Medium	High
Initial Risk Identification (stick in the space)		x		
Justification	Áp lực cao từ hoạt động thử nghiệm và hiệu chuẩn PSV. Chứng kiến thử nghiệm và hiệu chuẩn van an toàn áp lực trong NCSP workshop			

Phạm vi Công việc

Cung cấp Dịch Vụ Kiểm Định Van An Toàn Áp Lực

1. Giới thiệu

Nhà máy xử khí Nam Côn Sơn được xây dựng ở Dinh Cỏ, xã Long Điền, TP Hồ Chí Minh. Nhà máy được đưa vào vận hành từ năm 2002 và được vận hành bởi Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP).

Các van an toàn áp lực (PSV) lắp đặt trên các thiết bị chứa áp bao gồm bình áp lực, bơm và ống dẫn để bảo vệ các thiết bị này hoặc các thiết bị liên quan khỏi bị quá áp lực. Các van an toàn này được thử, kiểm tra, hiệu chuẩn và bảo trì bởi các kỹ thuật viên của NCSP theo quy trình của các tiêu chuẩn quốc tế API 527 và API RP 576. Các kỹ thuật viên của NCSP thực hiện việc thử, kiểm tra, hiệu chỉnh và bảo trì đều được đào tạo bởi nhà chế tạo PSV. Việc thử, kiểm tra, hiệu chỉnh các PSV được chứng kiến bởi các kiểm định viên của LR/ DnV từ 2003 đến 2014 và bởi kiểm định viên của tổ chức kiểm định Việt Nam từ 2014 đến nay. Ngày thử, kiểm tra và hiệu chỉnh tiếp theo của mỗi PSV được xác định thông qua đánh giá rủi ro (RBI) theo các tiêu chuẩn API 510, API 570 và API 580.

Theo yêu cầu của QCVN 01/2008/BLĐTBXH, các van an toàn áp lực (PSV) sử dụng phải được kiểm định và kiểm định đang còn hiệu lực.

2. Phạm vi Dịch vụ

2.1 Các yêu cầu về công việc

Nhà thầu cử kiểm định viên tới Nhà máy xử lý khí của NCSP để chứng kiến việc thử và hiệu chỉnh của từng PSV được thực hiện bởi các kỹ thuật viên của NCSP ở xưởng bảo trì, sau đó ban hành chứng chỉ

kiểm định cho từng PSV đã được thử và hiệu chuẩn. NCSP thực hiện việc thử và hiệu chuẩn các PSV với các quy định chính như sau:

- a. Việc thử, kiểm tra và hiệu chuẩn tuân thủ quy trình của các tiêu chuẩn API 527, API RP 576.
- b. Kỹ thuật viên thực hiện việc kiểm tra và hiệu chuẩn được đào tạo và có chứng chỉ còn hiệu lực của nhà chế tạo PSV.
- c. Tần suất thử và hiệu chuẩn PSV được xác định theo RBI.
- d. Thiết bị dùng để thử và hiệu chuẩn PSV là PSV Test Bench của NCSP do hãng Anderson Greenwood Crosby chế tạo và các đồng hồ đo áp suất thử gắn trên thiết bị được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định của Việt Nam.

Số lượng ước tính và kích cỡ của PSV như sau:

Mô tả	Số lượng ước tính (cái)
Van an toàn kích thước đến 1"	72
Van an toàn kích thước từ > 1" đến < 4"	72
Van an toàn kích thước từ 4" đến 6"	16
Tổng cộng:	160

Việc kiểm định các PSV được thực hiện thành nhiều đợt. NCSP sẽ thông báo cho Nhà thầu tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện kiểm định PSV cho mỗi đợt. Kiểm định viên của Nhà thầu phải có mặt ở Nhà máy Xử lý Khí NCSP vào lúc 8:00AM vào ngày kiểm định PSV của mỗi đợt.

Tổng số ngày ước tính cho công việc kiểm định là 80 ngày.

2.2 Yêu cầu đối với Nhà thầu kiểm định PSV và kiểm định viên của Nhà thầu

- a. Nhà thầu phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động còn hiệu lực do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp của Bộ Công Thương cấp với phạm vi kiểm định bao gồm bình chịu áp lực.
- b. Nhà thầu đã thực hiện ít nhất 3 hợp đồng kiểm định van an toàn áp lực và ít nhất 1 hợp đồng kiểm định van an toàn áp lực của công trình dầu khí từ 1/1/2023 đến nay.
- c. Nhà thầu có tối thiểu 2 kiểm định viên và tất cả các kiểm định viên phải có Chứng chỉ Kiểm định viên còn hiệu lực do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp của Bộ Công Thương cấp với phạm vi kiểm định bao gồm bình chịu áp lực.

3. Thời gian thực hiện Dịch vụ: Ước tính 3 năm (từ 1/4/2026 đến hết 31/3/2029)

4. Yêu cầu về An ninh, An toàn, Sức khỏe và Môi trường (HSES)

- Kiểm định viên chứng giám quá trình kiểm định phải có Thẻ an toàn cho người được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3.
- Tất cả các kiểm định viên của nhà thầu phải được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) tối thiểu theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành (Thông tư số: 25/2022/TT-BLĐTBXH).
- Các kiểm định viên sẽ được NCSP hướng dẫn an toàn trước khi vào thực hiện công việc.

- Các nhân sự của nhà thầu tới Nhà máy xử lý NCSP phải tuân thủ các yêu cầu về An ninh, An toàn, Sức khỏe và Môi trường (HSES) của NCSP tại tài liệu HSE-3000-MP-0044 (đính kèm).



Nam Con Son Pipeline

Sustain the Standards

SITE INSTRUCTION - NCSP TERMINAL AND PIPELINES, VIETNAM

OMS Element 2.5 Working with Contractors

ISO 14001:2015 and ISO 45001:2018 Clause 8.1: Operation Planning and Control

YÊU CẦU VỀ AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG VÀ AN NINH ĐỐI VỚI NHÀ THẦU CỦA NCSP

HỒ SƠ SỐ	HIỆU LỰC	NGƯỜI PHỤ TRÁCH	PHÊ DUYỆT
HSE-3000-MP-0044	2 năm	Trưởng nhóm PSM	Phó Giám đốc phụ trách

8	12/2024	Cập nhật theo thay đổi của pháp luật & đặc thù công việc	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Lê Minh Sơn
7	12/2022	PSCM góp ý & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
6	12/2021	Theo kết luận thanh tra & thay đổi của pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn Dương Đình Nam	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
5	03/2019	Cập nhật phụ lục 4A, 4B và pháp luật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Trần Quang Khải	Hoàng Minh
4	04/2018	Cập nhật theo ND44/2016/NĐ-CP	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3.1	03/2018	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
3	10/2016	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2.1	26/08/15	Cập nhật	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
2	09/06/15	Kết hợp bản dịch tiếng Anh	Trực tiếp & Email	Lưu Văn Sơn	Vũ Ngọc Kiên	Hoàng Minh
Rev.	NGÀY	CHI TIẾT	PHỔ BIẾN	BIÊN SOẠN	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT



MỤC LỤC

- 1. ĐỊNH NGHĨA**
- 2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**
- 3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM**
 - 3.1 VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU
 - 3.2 VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN NCSP
- 4. YÊU CẦU CHUNG**
 - 4.1 YÊU CẦU VỀ AN TOÀN
 - 4.2 YÊU CẦU VỀ SỨC KHỎE
 - 4.3 YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 - 4.4 YÊU CẦU VỀ PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ
 - 4.5 YÊU CẦU VỀ AN NINH
- 5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC**
 - 5.1 LÀM VIỆC TRÊN CAO
 - 5.2 LÀM VIỆC TRONG KHÔNG GIAN HẠN CHẾ
 - 5.3 CÔNG VIỆC SINH RA NGỌN LỬA TRẦN
 - 5.4 CÔNG VIỆC ĐÀO BƠI.
- 6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ**
 - 6.1 YÊU CẦU CỦA THIẾT BỊ ĐIỆN
 - 6.1.1 CÁC YÊU CẦU CHUNG
 - 6.1.2 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ ĐIỆN CẦM TAY SỬ DỤNG NGUỒN PIN HOẶC ẮC QUY
 - 6.1.3 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ SỬ DỤNG NGUỒN ĐIỆN CỦA NCSP
 - 6.2 MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC
 - 6.2.1 YÊU CẦU VỀ MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ
 - 6.3 NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ VÀ MÁY MÓC NÂNG, HẠ TẢI
 - 6.4 SỬ DỤNG GIÀN GIÁO CÔNG NGHIỆP VÀ THANG
 - 6.5 PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG CƠ GIỚI
 - 6.6 YÊU CẦU AN TOÀN VỚI HÓA CHẤT, VẬT TƯ ĐỘC HẠI



1. ĐỊNH NGHĨA

NCSP: Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn

HSSE: An toàn – Sức khỏe – Môi trường & An ninh.

Công trường NCSP: Nhà máy xử lý khí; trạm van Long Hải & Phú Mỹ; văn phòng NCSP ở tòa nhà PVGAS, Hồ Chí Minh; hành lang an toàn đường ống khí biển và bờ.

Người đại diện của NCSP/Người bảo lãnh: Là nhân sự của NCSP được chỉ định làm việc với nhà thầu trong mỗi hợp đồng dịch vụ. Là người dùng cuối hay một người nào khác được coi là đầu mối liên hệ giữa NCSP và nhà thầu.

Người sử dụng Nhà thầu: Là nhân viên NCSP được phân công làm việc với Nhà thầu thực hiện từng hợp đồng cụ thể tại Công trường của NCSP.

Khách: Là người đến NCSP để họp, học hay khảo sát, không giới hạn những người tới làm những việc không cần xin cấp phép như khảo sát lấy thông tin cho việc thiết kế, ước tính chi phí hay chuẩn bị hồ sơ thầu, người đại diện của NCSP phải đi cùng với khách trong suốt thời gian này. Khách đến thăm quan các cơ sở của NCSP phải báo cho người quản lý trực tiếp; Trường hợp thăm quan khu vực sản xuất, các trạm van phải được sự đồng ý của Giám sát vận hành

Nhân viên nhà thầu: Là người đến các công trường của NCSP để làm việc theo hợp đồng dịch vụ đã được ký kết.

Bên thứ ba: Người thực hiện nhiệm vụ của mình cho chủ sở hữu khác bên trong công trường của NCSP như EVN, KĐN, KVT, ĐNB, v.v.

Nhà thầu dài hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng từ 12 tháng trở lên để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP.

Nhà thầu ngắn hạn: Là nhà thầu được thuê thông qua hợp đồng dưới 12 tháng để làm việc tại các cơ sở của NCSP hoặc công trường của NCSP

Các quy định của NCSP: Bao gồm các yêu cầu trong tài liệu này, và không giới hạn trong các thủ tục khác có liên quan của NCSP.

2. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- NCSP thiết lập bộ các quy định và yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh (AT-SK-MT&AN) đối với Nhà thầu hướng tới mục tiêu “Không tai nạn – Không gây hại cho con người – Không làm tổn hại môi trường” khi làm việc trên Công trường của NCSP.



- Tài liệu này mô tả cụ thể các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và bằng cấp của nhân lực để có thể thực hiện các yêu cầu kỹ thuật, vận hành máy móc thiết bị để hoàn thành các hạng mục hợp đồng như đã ký kết với NCSP và nhằm các mục đích sau:
- Giúp Nhà thầu hiểu rõ các yêu cầu cơ bản về nhân lực, thiết bị của Nhà thầu nhằm tuân thủ các tiêu chuẩn, yêu cầu của NCSP trước khi tham gia chào thầu cũng như việc thực hiện hợp đồng sau này.
- Giúp các bộ phận chức năng của NCSP thiết lập các yêu cầu về An toàn – Sức khỏe – Môi trường và An ninh trong các hồ sơ mời thầu đồng thời làm cơ sở để đánh giá năng lực của Nhà thầu bao gồm việc tuân thủ pháp luật, quy định an toàn của NCSP, đảm bảo an toàn và hiệu quả, chất lượng công việc.
- Giúp bộ phận phụ trách giám sát công việc của NCSP phối hợp với Nhà thầu đạt hiệu quả cao trong việc phối hợp với Nhà thầu cả về chất lượng và tiến độ thông qua việc lập kế hoạch chi tiết, chuẩn bị nhân lực, máy móc, vật tư, thiết bị tốt hơn.
- Giúp Nhà thầu xác định đúng yêu cầu công việc tránh lãng phí thời gian và phối hợp quản lý an toàn thi công đạt hiệu quả cao hơn cho cả Nhà thầu và NCSP.

3. VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM

3.1 Vai trò và trách nhiệm của Nhà thầu

- Nhà thầu cử Cán bộ kỹ thuật/Giám sát hoặc Người thực hiện công việc đến NCSP khảo sát kỹ phạm vi công việc và yêu cầu an toàn kỹ thuật để làm hồ sơ chào thầu và xây dựng biện pháp thi công (nếu trúng thầu).
- Đọc và hiểu rõ những qui định và yêu cầu trong bộ tài liệu này (đính kèm trong HSMT) trước khi làm hồ sơ tham gia đấu thầu.
- Tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng, lập phương án thi công chi tiết gửi cho NCSP xem xét, chỉnh sửa và phê duyệt, chuẩn bị giấy phép làm việc (GPLV) và các giấy tờ liên quan, đánh giá rủi ro (ĐGRR) cho công việc.
- Phổ biến cho tất cả Nhân viên/Giám sát/Công nhân phạm vi công việc, yêu cầu về AT-SK-MT & AN trước khi vào NCSP và thường xuyên nhắc nhở trong khi thực hiện công việc.
- Phối hợp chặt chẽ với người đại diện NCSP trong việc cung cấp nhân sự, vật tư, máy móc thiết bị, quản lý an toàn, giám sát chất lượng và tiến độ thực hiện công việc đảm bảo tất cả các yêu cầu được tuân thủ như hợp đồng đã ký.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về con người, môi trường, vật tư, thiết bị, tài sản bị hư hỏng do nhân sự của Nhà thầu không tuân thủ các nội quy và yêu cầu của Bộ luật Lao động (Bộ luật số: 45/2019/QH14) và Luật An toàn lao động (Luật số: 84/2015/QH13) và các quy định trong quy trình này.
- Cung cấp đúng nhân sự chủ chốt (Giám sát viên/Nhân viên kỹ thuật...vv) như đã nêu trong "Hồ sơ dự thầu". Nếu có chênh lệch, nhà thầu phải thông báo cho Phòng PSCM của NCSP trong thời gian sớm nhất để cùng nhau giải quyết.
- Phổ biến cho toàn thể nhân viên các quy định khi vào NCSP (mang CMND/CCCD và tập trung tại nhà nghỉ gần cổng chính, không xả rác, không lái xe quá nhanh...), cung cấp cho họ các yêu cầu HSSE khi thực hiện công việc, xác định các mối nguy



hiểm và biện pháp kiểm soát. Bố trí nhân sự giám sát trực tiếp tại công trường, gửi báo cáo hàng ngày, lập và gửi bản vẽ hoàn công sau khi hoàn thiện công trình, bàn giao đưa vào sử dụng.

- Nhà thầu tự cung cấp điện, nước cho công trường ở những nơi vượt quá khả năng hỗ trợ của NCSP. Cung cấp các trang bị bảo hộ lao động cho người lao động phù hợp với công việc và yêu cầu trong giấy phép lao động bao gồm dây chống rơi, dây cứu hộ, rào chắn và biển cảnh báo để đảm bảo an toàn thi công.

Lưu ý: Công việc thực hiện trên Hành Lang Tuyển Ống (HLTO) cần tuân thủ qui trình phối hợp kiểm soát công việc (HSE-3000-MP-0055) giữa NCSP & PVGas-SE (Công ty vận chuyển Khí Đông Nam Bộ) đặc biệt là qui định về tổng tải trọng tối đa cho phép đối với các phương tiện lưu thông trên HLTO và các qui định về đào xới.

3.2 Vai trò và trách nhiệm của Người đại diện NCSP

- Cùng khảo sát hiện trường với Nhà thầu và cung cấp các hồ sơ, bản vẽ liên quan, là cầu nối giữa Nhà thầu và các Bộ phận liên quan của NCSP.
- Giới thiệu và hướng dẫn Nhà thầu trong việc hiểu rõ và đầy đủ các qui định và yêu cầu trong tài liệu này trước khi tiến hành công việc tại Công trường của NCSP.
- Hỗ trợ Nhà thầu trong việc hướng dẫn an toàn, kiểm tra máy móc thiết bị, xin giấy phép làm việc và phối hợp giám sát tại công trường.
- Hỗ trợ và hướng dẫn Nhà thầu khi có vấn đề phát sinh về phạm vi công việc theo đúng các qui trình và thủ tục về việc bổ sung hợp đồng và thanh toán của NCSP.
- Hỗ trợ giàn giáo cho nhà thầu với những công việc có yêu cầu giàn giáo mà không bao gồm trong điều khoản hợp đồng.
- Hỗ trợ nguồn điện, nguồn nước cho các vị trí thi công nằm gần nguồn điện, nguồn nước hiện có của NCSP. Đối với các công việc ở xa, nhà thầu phải tự cung cấp.

4. YÊU CẦU CHUNG

4.1 Yêu cầu về an toàn

- Nhà thầu phải đảm bảo: Tất cả nhân viên được Nhà thầu phân công đến làm việc tại các cơ sở của NCSP phải có hợp đồng lao động phù hợp với công việc (Bộ luật lao động số 45/2019/QH14) và được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo luật định. Nhân viên nhà thầu phải tuân thủ tất cả các qui định về an toàn nêu trong Luật ATVSLĐ (Luật số : 84/2015/QH13).
- Nhân viên của Nhà thầu phải được đào tạo về An toàn lao động, phù hợp với công việc liên quan theo yêu cầu (Nhóm 3) và phù hợp với đặc thù công việc mà Nhà thầu thực hiện tại NCSP (Nghị định 44/2016/ND-CP và Nghị định 140/2018 /ND-CP). Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận ATVSLĐ nhóm 3 hoặc xác nhận đã tham gia khóa đào tạo trước khi làm việc tại NCSP.



Lưu ý: Quy định này không áp dụng đối với Người nước ngoài, người làm việc gián tiếp hoặc đào tạo giảng dạy.

- Nhà thầu lập danh sách nhân sự và điền đầy đủ các mục yêu cầu tại Phụ lục 1, kèm theo chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận an toàn lao động phù hợp với công việc Nhà thầu sẽ thực hiện tại NCSP theo hướng dẫn chi tiết tại **Phụ lục 3** trước khi đăng ký học an toàn
- Lập danh mục máy móc, thiết bị theo **Phụ lục 2**, điền đầy đủ các hạng mục, thông số kỹ thuật. Nhà thầu cần kiểm tra tất cả các thiết bị an toàn, vệ sinh và chạy thử trước khi mang đến NCSP kiểm tra và dán tem đảm bảo phù hợp với yêu cầu công việc.
- Lập danh sách vật tư hàng hóa sử dụng cho công việc theo yêu cầu trong hợp đồng với đầy đủ hóa đơn mua vật tư, chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ và chứng chỉ chất lượng (CO/CQ), phiếu bảo hành...v.v

Ghi chú: Đối với công việc có rủi ro cao (sử dụng dụng cụ/ thiết bị áp lực cao, lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo, làm việc trong không gian hạn chế, làm việc ở độ cao trên 50m ...v.v) thì Nhân viên nhà thầu cần được huấn luyện chuyên sâu về sự an toàn của công việc đó.

- Tất cả nhân viên Nhà thầu phải được trang bị và sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (BHLĐ) tối thiểu theo TCVN hoặc các tiêu chuẩn Quốc tế dùng cho ngành dầu khí để thực hiện công việc tại các công trình của NCSP
 - + Quần áo bảo hộ: TCVN 2607-1978
 - + Giày/ Ủng bảo hộ: TCVN 7653-2007
 - + Nón bảo hộ: TCVN 6407-1998 (ISO 3873 : 1997)
 - + Kính bảo hộ: TCVN 5082-1990 (ISO 4849 : 1981)
- Ngoài ra tùy đặc thù của từng công việc có rủi ro cao cụ thể mà phải được trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ tương ứng theo qui định của NCSP (Xem chi tiết các qui định đối với từng công việc cụ thể bên dưới hoặc trong bản đánh giá rủi ro của từng công việc)
- Công việc chỉ được tiến hành khi có giấy phép làm việc được cấp bởi NCSP và chỉ thực hiện nội dung công việc đã được duyệt trong giấy phép.
- Trong thời gian nghỉ giải lao, tất cả công nhân được yêu cầu rời khỏi khu vực làm việc để đến chòi nghỉ ngơi riêng bên ngoài khu vực sản xuất.
- Trong quá trình thi công nếu phát sinh vấn đề khác như thời tiết xấu (mưa, giông, sấm sét...) hoặc công việc không có trong hồ sơ biện pháp thi công được phê duyệt. Người giám sát của Nhà thầu phải dừng ngay công việc, thông báo cho Người quản lý khu vực (AA) và Người đại diện của NCSP.
- Khi tạm ngừng hoặc kết thúc ca làm việc phải:
 - ✓ Kiểm tra và tắt toàn bộ máy móc, thiết bị.



- ✓ Dụng cụ và vật tư sắp xếp gọn gàng, đúng nơi qui định.
- ✓ Luôn giữ gìn thông thoáng lối đi, cầu thang, cửa thoát hiểm.

4.2 Yêu cầu về sức khỏe

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về sức khỏe của tất cả nhân viên của mình trước khi cử họ đến địa điểm của NCSP để thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và phải xuất trình cho NCSP hoặc Cơ quan chức năng khi được yêu cầu (*tham khảo Thông tư 32/2023/TT-BYT Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh*)
- Đối với những người làm nghề, công việc được liệt kê trong Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH_Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và Thông tư 19/2023/TT-BLD(TBXH_Bổ sung danh mục nghề, công việc cho Thông tư 11/2020/TT-BLĐTBXH (VD: *Làm việc ở độ cao trên 50m, làm việc trong không gian hạn chế, bôn, bể chứa khí, hóa chất, chất lỏng có khả năng gây cháy, nổ nhưng chưa được vệ sinh sạch sẽ...v.v*), nhà thầu phải nộp giấy khám sức khỏe hợp lệ. (trong vòng 12 tháng) và kết quả phân loại ở cấp độ (1-2-3), hạng mục sức khỏe 4 & 5 không phù hợp với những công việc này (tham khảo Quyết định 1613/BYT-QĐ Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám bệnh và khám định kỳ). Bác sĩ phòng y tế của NCSP sẽ kiểm tra/đánh giá lại trước khi thực hiện công việc.

Lưu ý: Chính sách kiểm soát chất có cồn và chất gây nghiện!

- NCSP nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng, bán hoặc phân phối các chất có cồn, thuốc kích thích, chất gây nghiện tại nơi làm việc
- Không có nồng độ cồn (không có mùi rượu, bia) áp dụng cho tất cả nhân viên làm việc tại Công trường NCSP.

4.3 Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tất cả mọi người đều phải có trách nhiệm giữ gìn nơi làm việc và những vùng phụ cận sạch sẽ, ngăn nắp, vệ sinh nơi làm việc vào cuối ngày. Trường hợp không rõ cách phân loại chất thải thì phải hỏi Giám sát của NCSP.
- Nhà thầu phải phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải phát sinh từ hoạt động của mình về kho lưu trữ chất thải của NCSP, nếu trách nhiệm được xác định trong hợp đồng, nhà thầu phải đảm bảo chất thải do công việc của mình phát sinh được thu gom, vận chuyển ra ngoài địa điểm của NCSP và xử lý đúng quy định. tuân thủ luật pháp và nhận được sự chấp thuận của Phòng an toàn của NCSP trước khi công việc xử lý bắt đầu.



4.4 Yêu cầu về phòng chống cháy, nổ

Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ PCCC do cơ quan Cảnh sát PCCC cấp quận/huyện trở lên cấp (*Tham khảo Nghị định 136/2020/NĐ-CP_điều 33, khoản (d)*) cho tất cả các nhân sự vào NCSP làm việc trong các trường hợp sau:

- Các nhân sự nhà thầu làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy nổ (*khu xử lý khí và condensate, trạm van Long Hải và Phú Mỹ*) hoặc thường xuyên làm việc tiếp xúc với hàng hóa nguy hiểm về cháy nổ, tham gia trực tiếp công việc liên quan đến tháo/mở hệ thống chứa khí, chất lỏng có khả năng cháy nổ, lắp đặt giàn giáo hoặc nạo vét bùn trong bồn chứa (*hydrocarbon, methanol & condensate, diesel oil...v.v*)
- Các nhân sự nhà thầu làm công việc đơn giản trong môi trường có nguy hiểm về cháy nổ với khoảng thời gian nhiều hơn **5 ngày**.
- Các nhân sự nhà thầu làm công việc tại bất kỳ nơi nào của NCSP mà công việc sinh lửa trần như hàn điện, cắt, mài hoặc sử dụng máy gia nhiệt lớn hơn 200°C...v.v.

Chi chú: Trong mọi trường hợp nhân sự nhà thầu cần tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn PCCC và CNCH, các yêu cầu của bộ phận cấp phép và các biện pháp kiểm soát an toàn PCCN trong ĐGRR thực hiện công việc.

Ngoại trừ: Tham khảo công văn 187/C66-P3 Hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật trong lĩnh vực PCCC (ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2016).

- Người thực hiện các công việc nguội không sinh lửa, sinh nhiệt, không tiếp xúc với môi chất nguy hiểm cháy nổ.
- Người thực hiện công việc đơn giản như cắt cỏ, tưới cây, giao hàng, vệ sinh lao động, thợ xây, lắp đặt giàn giáo, đo đạc quan trắc môi trường, đo kiểm tra môi trường lao động và không tiếp xúc với các môi chất nguy hiểm về cháy nổ.
- Các chuyên gia nước ngoài, cán bộ quản lý cơ quan chức năng, khách đến thăm quan và các đối tượng khác đến làm việc, liên hệ công tác.
- Các chuyên gia nước ngoài tham gia làm việc trong bảo dưỡng lớn (TAR), các chuyên gia làm việc theo yêu cầu của dự án/ hợp đồng ký kết với NCSP.
- Công việc trên Hành Lang Tuyến Ống (HALT) không có lửa trần hoặc phát nhiệt không quá 200°C hoặc không mở thiết bị, đường ống có chứa chất cháy.

4.5 Yêu cầu về an ninh

- Giám đốc Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và bảo đảm rằng các nhân viên được gửi đến công trường của NCSP phải có nhân thân tốt đặc biệt là đối với các nhân viên thường xuyên làm việc trong Khu sản xuất.



- Tất cả nhân viên nhà thầu phải luôn tuân thủ quy trình kiểm soát an ninh ra/vào nhà máy và các trạm van.
- Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Đại diện NCSP hoặc Người dùng cuối trong trường hợp thẻ an toàn bị hư hỏng hoặc thất lạc.
- Nhân viên nhà thầu phải luôn đeo thẻ HSE khi vào địa điểm NCSP và phải trả lại cho nhân viên bảo vệ ở cổng chính khi rời khỏi NCSP.
- Đối với nhà thầu làm việc trên hành lang tuyến ống, thẻ an toàn được trả lại cho bảo vệ cổng chính thông qua người giám sát công việc (PA)
- Thời hạn của Thẻ an toàn là 1 tháng đối với nhà thầu ngắn hạn và 12 tháng đối với nhà thầu dài hạn. Trong khi chờ đợi làm Thẻ an toàn, Thẻ tạm sẽ được cấp và có giá trị trong 1 ngày làm việc.
- Tất cả các loại vật tư, thiết bị, dụng cụ phải được khai báo tại cổng chính Nhà máy và phải có Giấy phép vật tư ra/vào cổng và bản kê khai hàng hóa đi kèm.

5. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG GIẤY PHÉP LÀM VIỆC

Tất cả các công việc thực hiện trong Công trường của NCSP đều phải được kiểm soát thông qua hệ thống kiểm soát công việc (Work Control System OPS-3000-MP-1014). Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ hệ thống quản lý này

Việc cấp phép làm việc được thực hiện thông qua quy trình cấp giấy phép làm việc (Permit to Work), Giấy phép làm việc phải được chuẩn bị và được xem xét trước khi công việc tiến hành 1 ngày

Nhằm cung cấp cho Nhà thầu hiểu biết các yêu cầu cơ bản về hệ thống quản lý an toàn công việc nêu trên, sau đây là một số nội dung cơ bản. Nhà thầu có trách nhiệm đọc kỹ và hiểu các nội dung cơ bản này. Việc hiểu những nội dung cơ bản này không có nghĩa là Nhà thầu đã hiểu toàn bộ các quy định về quản lý an toàn của NCSP:

5.1 Làm việc trên cao

Tất cả các công việc liên quan đến làm việc ở độ cao trên 2 mét so với mặt đất/sàn làm việc mà không có thiết kế bảo vệ tiêu chuẩn được xác định là làm việc trên cao và chỉ được phép thực hiện khi

- Sử dụng giàn giáo, sàn thao tác hoặc thang theo đúng yêu cầu an toàn, kỹ thuật được mô tả ở mục (6.4)
- Sử dụng thiết bị chống rơi bao gồm:
 - ✓ Móc treo tại vị trí thuận tiện, tốt nhất là cao hơn đầu người
 - ✓ Dây đeo toàn thân có khóa then kẹp tự động, dụng cụ giảm sóc.
 - ✓ Thiết bị chống rơi phải đảm bảo không để rơi tự do quá 2 mét.
- Đối với công việc làm ở độ cao trên 50m
 - ✓ Nhà thầu phải cung cấp giấy khám sức khỏe của nhân viên cho phòng y tế NCSP ít nhất 3 ngày trước khi tiến hành công việc (*xem chi tiết tại mục 4.2*)



- ✓ Phòng y tế NCSP sẽ tiến hành kiểm tra thực tế một số hạng mục theo yêu cầu về sức khỏe đối với công việc đặc biệt này.

5.2 Làm việc trong không gian hạn chế

- Tuân thủ các yêu cầu trong Thông tư 29/2018/TT-BLĐTBXH (QCVN 34:2018) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động khi làm việc trong không gian hạn chế.
- Công việc trong không gian hạn chế phải được tiến hành đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.
- Người làm việc trong không gian hạn chế phải
 - ✓ Thẻ An toàn lao động cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trong không gian hạn chế
 - ✓ Phải có giấy khám sức khỏe phù hợp và được kiểm tra xác nhận của phòng y tế NCSP.
 - ✓ Phải được đào tạo về sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA) và bộ khí thở có dây nối dài (BA airline) nếu công việc yêu cầu.
 - ✓ BA airline nên được sử dụng để vào không gian hạn chế cho những người làm việc trong thời gian dài hoặc những nơi chật hẹp.

5.3 Công việc sinh ra ngọn lửa trần

- Không sử dụng bình khí acetylene (gió đá) trong công tác hàn, cắt. Chỉ được phép sử dụng bình khí Propane hoặc khí hóa lỏng (LPG).
- Tại một thời điểm, chỉ cho phép một công việc sinh ra ngọn lửa trần, ngoại trừ trường hợp công việc phát sinh tia lửa trần được tiến hành trong buồng có áp suất dương (habitat).
- Thường xuyên có người giám sát tại nơi làm việc.
- Trang bị đầy đủ PTBVVN cho công việc hàn, cắt (mặt nạ hàn, kính hàn, găng tay chịu nhiệt...vv).
- Công việc sinh ra ngọn lửa trần phải được tiến hành hợp đánh giá rủi ro với sự hỗ trợ và phê duyệt của NCSP.

5.4 Công việc đào bới.

- Tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống kiểm soát công việc của NCSP (OPS-3000-MP-1014) tại Phụ lục C: Quy trình và Hướng dẫn cho công việc đào bới và phụ lục 1: Danh Sách Kiểm Tra Các Mối Nguy Cho Công Việc Đào Bới phải được hoàn thành và đính kèm trong Giấy phép làm việc.
- Công việc đào bới, khoan cắt sâu hơn 0,15m so với mặt đất cần phải có chứng chỉ đào bới "Excavation Certificate" do người có thẩm quyền của NCSP cấp.
- Phải kiểm soát sự dịch chuyển của các lớp đất đá, tránh sụt đất bằng các biện pháp chống đỡ, kè bờ, làm dốc theo qui định.



- Điền đầy đủ phụ lục C của Hệ thống kiểm soát công việc: Liệt kê tất cả các tài liệu yêu cầu, bản vẽ cho công việc đào đất bao gồm các công việc trong RoW, đặc biệt là phụ lục 1: Danh sách kiểm tra nguy cơ khi đào bới, xáo trộn mặt đất.
- QCVN 34:2018/BLĐTBXH phải được xem xét và áp dụng cho các công việc đào bới để kiểm soát an toàn khi khu vực làm việc có khả năng trở thành không gian hạn chế.

6. YÊU CẦU VỀ VẬT TƯ, THIẾT BỊ

6.1 Yêu cầu của thiết bị điện

6.1.1 Các yêu cầu chung

- Tất cả các thiết bị điện phải được kiểm tra và dán tem đạt yêu cầu bởi nhân viên có chuyên môn điện của NCS trước khi sử dụng và tem có hiệu lực trong vòng **7 ngày**. Khi hết hạn, thiết bị phải được kiểm tra lại và dán tem mới
- Người thực hiện sửa chữa bảo trì các thiết bị điện phải được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp.
- Nhân viên vận hành thiết bị điện cao thế (>1000V) phải có chứng chỉ hợp lệ do đơn vị có chức năng và thẩm quyền cấp.
- Khi tiến hành kiểm tra hoặc bảo dưỡng, vận hành thiết bị điện cao thế phải trang bị thêm các trang thiết bị BHLĐ như: Gậy móc cứu hộ, thảm cách điện, găng tay cách điện, ủng cách điện các trang thiết bị này phải có tem/chứng chỉ kiểm định/ thử nghiệm hợp lệ.
- Đối với máy phát điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, quá áp
- Đối với các tủ phân phối nguồn điện phải có thiết bị bảo vệ quá dòng, chống dòng rò (CB chống giật)

6.1.2 Các yêu cầu đối với thiết bị điện cầm tay sử dụng nguồn Pin hoặc Ắc quy

- Hộp chứa Pin/Ắc quy phải có nắp che kín và cố định vào các điện cực chắc chắn
- Đối với bình Ắc quy: Tại các điểm nối vào điện cực phải được cố định bằng Bu-lông chắc chắn.
- Dây dẫn nguồn phải đạt cấp điện áp phù hợp và có lớp vỏ cách điện không bị hư hỏng, chấp nối.


6.1.3 Các yêu cầu đối với thiết bị sử dụng nguồn điện của NCSP

a) Ổ cắm và phích cắm

- Khi sử dụng nguồn điện trong các tòa nhà phải dùng phích cắm loại 3 chấu có dây nối đất theo tiêu chuẩn **BS1363** phù hợp nguồn 240V AC, 50hz, 13 A
- Có thể sử dụng loại ổ cắm dạng đa năng universal nhưng phải đảm bảo ổ cắm có cửa sổ (shutter) đóng khi không sử dụng, không lộ phần đồng dẫn điện nhìn thấy được, tất cả ổ cắm đều được cấp từ nguồn điện có CB chống giật 30mA





- Khi sử dụng nguồn điện trong khu sản xuất phải dùng ổ cắm và phích cắm phù hợp tiêu chuẩn IEC/EN 60309-1/-2 (CEE), IEC/EN 60079-0, IEC/EN 60079-1 và IEC/EN 60079-7 đạt yêu cầu chống cháy nổ . Có 2 loại chính:
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 3 chấu (2P+E) loại SolConeX 16 A Series SolConeX 8570 cho nguồn 240VAC, 50Hz, 16A (Hình: 1)
 - ✓ Sử dụng ổ cắm và phích cắm 5 chấu (3P+N+E) loại SolConeX, 63 A Series 8579 cho nguồn 415VAC, 50Hz, 63A (Hình: 2)
 - ✓ Trường hợp dùng thêm ổ cắm nối dài sau phích cắm phải đảm bảo ổ cắm nối dài được che chắn chống nước và tuân thủ biện pháp kiểm soát trên giấy phép **c/ Dụng cụ điện cầm tay** : Tuân thủ quy chuẩn quốc gia QCVN 09: 2012/BLĐTBXH



Hình: 1



Hình: 2

b) Dây dẫn nguồn:

- Dây dẫn từ nguồn cấp hiện hữu đến thiết bị cầm tay phải có:
 - ✓ Dòng tải danh định lớn hơn dòng tải của thiết bị



- ✓ Dây có lớp giáp bảo vệ (steel wire amour hoặc wire braided). Trường hợp dây không có lớp bảo vệ trên, phải sử dụng các biện pháp khác để bảo vệ chống va đập cơ khí như: dùng ống bảo vệ (conduit), chạy trong mương cáp tạm, căng dây cảnh báo dọc theo dây.

6.2 Máy móc và thiết bị áp lực

6.2.1 Yêu cầu về máy móc và thiết bị

- Các máy móc và thiết bị áp lực (máy nén khí, thiết bị nước cao áp, thiết bị thủy lực, thiết bị dùng khí nén, chai khí, bình áp lực, ống áp lực vv...) phải được kiểm tra bởi nhân viên chuyên trách của NCSP trước khi đưa vào khu vực thi công.
- Nhân viên Nhà thầu vận hành máy móc và thiết bị áp lực phải được huấn luyện và được cấp chứng chỉ bởi các đơn vị có chức năng theo luật định.
- Các bình áp lực, chai khí phải có kiểm định còn hiệu lực, có lắp van an toàn đã được kiểm định còn hiệu lực. Van an toàn có giá trị cài đặt phù hợp với áp suất làm việc và thiết bị áp lực được bảo vệ.
- Áp kế gắn trên bình áp lực phải có thang đo phù hợp và được kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các ống mềm áp lực phải được kiểm tra bởi đơn vị/ tổ chức có năng lực và còn trong thời hạn.
- Hệ thống khí nén của nhà máy khí Dinh Cố có áp suất là 10barg các thiết bị khí nén của Nhà thầu phải có khả năng hoạt động ở áp suất này hoặc có lắp thiết bị giảm áp thích hợp.
- Các máy móc thiết bị khí nén nên có khớp nối nhanh kiểu Macdonald, khớp nối kiểu 4 vấu (Chân Quạ) có thể sử dụng với điều kiện chúng được khóa lại bằng dây thép hoặc chốt chẻ và khớp nối được bắt chắc chắn vào ống mềm bằng kẹp ống hoặc dùng phương pháp bấm. Không sử dụng kết nối bằng cổ-giê.



Macdonald quick action couplings

Four-Claw Couplings



Worm Gear

- Thiết bị an toàn chống vung (whip check) phải được sử dụng khi kết nối các ống mềm áp lực hoặc kết nối ống mềm vào các thiết bị áp lực khác.
- Các thiết bị sử dụng khí nén phải có cơ cấu dừng khẩn cấp khi có hỏng hóc hoặc sự cố.
- Các ống mềm phải được tiếp địa chống tĩnh điện.
- Các thiết bị bắn cát và phun sơn phải luôn luôn được tiếp địa trong quá trình sử dụng.
- Dây tiếp địa phải là loại dây đồng mềm hoặc cứng nhiều lõi có tiết diện 4mm² bọc nhựa PVC. Dây tiếp địa được bắt chặt vào thiết bị bằng bu lông và có đầu còn lại là kẹp (ví dụ kẹp cá sấu) để bắt vào hệ thống tiếp địa của NCSP
- Các máy móc và thiết bị áp lực sau khi lắp đặt, kết nối xong phải được thử kiểm tra áp lực toàn bộ hệ thống để đảm bảo không rò rỉ và không có hư hỏng trước khi sử dụng.
- Các máy móc và thiết bị áp lực phải được kiểm tra hàng ngày bởi nhân viên Nhà thầu trước khi sử dụng.

6.2.2 Yêu cầu về trang bị bảo hộ lao động

- Bắn cát làm sạch:
 - ✓ Mặt nạ thở: Trường hợp bắn cát trong buồng kín, khi sử dụng thiết bị bắn cát cầm tay không có buồng che kín hoặc khi người bắn cát không tách biệt khỏi vật liệu cát nhờ buồng che kín có hút khí thì phải dùng mặt nạ thở có ống cung cấp khí.
 - ✓ Găng tay là loại vải bạt, da hoặc bằng vật liệu Kevlar
 - ✓ Giáp bảo vệ thân (tạp dề).
 - ✓ Trang bị thêm mặt nạ lọc khí nếu bắn cát khô.
- Khi sử dụng súng phun nước hoặc máy rửa xe phải mặc đồ bảo hộ cá nhân thông thường (áo khoác, mũ bảo hộ, kính an toàn/ kính bảo hộ, ủng/ giày chống trượt), có thể sử dụng thêm áo mưa hoặc tạp dề.
- Phun nước áp lực cao lên đến 4500 psi (310 Barg) để làm sạch rỉ sét, lớp sơn cũ trên bề mặt kim loại súng phun phải có chức năng tự ngắt khi ngừng phun và thay thế kính an toàn thông thường bằng mặt nạ (mica) hoặc tối thiểu phải dùng kính bảo hộ che kín toàn bộ mắt (goggles)



- Phun nước áp lực rất cao (310barg – 1700barg) sử dụng làm sạch bề mặt và siêu cao (trên 1700barg) sử dụng trong công việc cắt thép hoặc bê tông phải trang bị PTBVVN
 - ✓ Giáp bảo vệ thân và chân
 - ✓ Tấm chắn bảo vệ mặt
 - ✓ Găng tay vải bạt, da hoặc kevlar

Lưu ý: *Cấm dùng cát thạch anh trong bắn cát vì ảnh hưởng đến sức khỏe
Phải dùng loại súng bắn có 2 cò đạt chuẩn an toàn (Deadman Trigger)*

6.3 Những yêu cầu đối với thiết bị và máy móc nâng, hạ tải

- Đối với Nhân viên vận hành và hỗ trợ vận hành:
 - ✓ Phải được huấn luyện và có chứng chỉ còn thời hạn cho việc vận hành máy móc và thiết bị nâng hạ tải tương ứng.
 - ✓ Phải có chứng chỉ Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn thiết bị nâng, hạ do Trung tâm kiểm định & huấn luyện an toàn lao động cấp.
- Đối với máy móc và thiết bị nâng, hạ
 - ✓ Phải có chứng chỉ kiểm định cần cẩu/ thiết bị nâng hợp lệ, có tem kiểm định được dán trên buồng lái hoặc nơi chỉ định trong biên bản kiểm định.
 - ✓ Tất cả các thiết bị dùng cho công việc nâng hạ (palăng xích, cùm, dây, kẹp...vv) phải có chứng chỉ kiểm định và kiểm tra trực quan.
 - ✓ Phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng bởi Nhân viên kỹ thuật của NCSP.

6.4 Sử dụng giàn giáo công nghiệp và thang

6.4.1 Sử dụng giàn giáo công nghiệp

- Tất cả các loại vật tư sử dụng để lắp đặt giàn giáo phải đạt chuẩn của Anh (BS1139) hoặc châu Âu (EN39) hoặc Úc/ Newzeland (AS/NZS1576.3) hoặc TCVN13662 : 2023
- Giám sát/Thanh tra giàn giáo và Công nhân giàn giáo phải được đào tạo theo quy định của Nhà nước (Nghị định số 44/2016/ND-CP) và có chứng chỉ phù hợp còn giá trị; Các chứng chỉ theo tiêu chuẩn BS 5973:1993 hoặc tiêu chuẩn Châu Âu BS EN 12811-1:2003 hoặc AS/NZS 4576:1995 vẫn được chấp nhận nếu được đào tạo tại các cơ sở/trung tâm được nhà nước phê duyệt.
- Tuân thủ các quy định và yêu cầu về an toàn kỹ thuật trong QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng và TCVN13662_2023: Giàn giáo – Yêu cầu an toàn.
- Giàn giáo sau khi lắp đặt phải được kiểm tra đạt chuẩn an toàn kỹ thuật
- Hàng tuần phải kiểm tra định kỳ bởi người giám sát giàn giáo.



- Giàn giáo phải được treo thẻ an toàn và cho phép sử dụng như hình.



6.4.2 Sử dụng thang

- Chỉ được sử dụng thang chữ A, thang bậc (mobile Platform) có tem kiểm định còn hạn.
- Không được dùng thang tre, thang gỗ, thang tự chế, thang đã bị hỏng hoặc sửa chữa sơ sài, chấp vá.

6.5 Phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới

6.5.1 Các yêu cầu chung đối với xe và người lái xe.

- Xe phải có đầy đủ giấy đăng ký sử dụng xe, kiểm định và bảo hiểm còn hạn.
- Lái xe phải có bằng lái phù hợp với chủng loại xe và còn hiệu lực.
- Dây đai an toàn (seatbelt) phải được trang bị đầy đủ và được sử dụng cho tất cả mọi người trên xe.
- Tất cả các phương tiện đi vào Công trường của NCSP phải được kiểm tra bởi Bảo vệ.
- Các phương tiện vào khu sản xuất, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ phải được gắn chụp ống xả dập lửa và kiểm tra thêm bởi kỹ thuật viên NCSP.
- Lái xe phải tuân thủ các qui định giới hạn tốc độ trong các cơ sở của NCS (Ngoài khu sản xuất tối đa 25Km/giờ; trong khu sản xuất là 15Km/giờ).
- Lái xe không được sử dụng điện thoại di động hoặc các thiết bị liên lạc hai chiều khác trong khi điều khiển xe.
- Luôn tắt động cơ khi rời khỏi xe (để lại chìa khóa trong ổ nếu xe ở trong khu sản xuất).

6.5.2 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hành khách

- Không được chở vượt quá số hành khách qui định của nhà sản xuất.
- Phải được bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.



- Tất cả các bộ phận thiết yếu và cơ cấu an toàn phải được bảo hành và sửa chữa chính hãng bao gồm (hệ thống lái, hệ thống phanh hãm, hệ thống cân bằng, hệ thống điều khiển điện tử)

6.5.3 Yêu cầu đối với xe chuyên chở hàng hóa

- Phải được giữ nguyên thiết kế của nhà sản xuất, không nâng cấp, chỉnh sửa và hoán cải mục đích sử dụng (trừ khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép).
- Hàng hóa trên xe phải được cố định chắc chắn, che chắn tránh ảnh hưởng của thời tiết và phù hợp các yêu cầu của luật giao thông đường bộ và hướng dẫn bảo quản của nhà sản xuất.
- Phải có khung bao bảo vệ phía sau và hai bên sườn xe chống thiệt hại do va chạm và tránh nguy hiểm cho các phương tiện khác cùng tham gia giao thông.
- Không được chở hàng quá khổ, quá tải.
- Phương tiện để vận chuyển nguyên vật liệu và thiết bị phải phù hợp với phương thức bốc dỡ tại Công trường của NCSP (thông thường là xe nâng)

6.5.4 Yêu cầu đối với xe cơ giới thi công

- Người lái xe phải có các chứng chỉ vận hành phù hợp với chủng loại xe được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Nếu có hoán cải chức năng, mục đích sử dụng thì phải có hồ sơ hoán cải và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền của nhà nước.
- Phải sử dụng phương tiện đúng theo mục đích thiết kế của nhà sản xuất.

6.5.5 Yêu cầu đối với việc phân loại rác và xe chở rác thải tại NCSP

Rác thông thường

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải thông thường phải tuân thủ các yêu cầu nêu tại mục 6.5.1 - Yêu cầu chung đối với phương tiện và người điều khiển.
- Hiện tại NCSP phân loại rác thải sinh hoạt thành 3 loại bao gồm (rác thông thường, rác tái chế và rác thực phẩm) Tất cả các nhân viên nhà thầu đến làm việc trong NCSP phải tuân thủ tuyệt đối qui định này.

Rác nguy hại

- Các phương tiện tiếp nhận chất thải nguy hại có thể ở dạng rắn, lỏng, bùn thải phải được ghi trong giấy phép xử lý của nhà thầu và được kiểm tra bởi Cố vấn an toàn phụ trách về môi trường trước khi chuyển chất thải nguy hại cho nhà thầu đủ năng lực để xử lý.
- Khi phương tiện của nhà thầu xử lý đạt yêu cầu về an toàn kỹ thuật đến khu vực làm việc của NCSP để tiếp nhận chất thải cũng phải tuân thủ các yêu cầu và biện pháp kiểm soát về an toàn, an ninh nêu trong giấy phép làm công việc này do Bộ phận kho lập theo quy định.



6.6 Yêu cầu an toàn với hóa chất, vật tư độc hại

6.6.1 Yêu cầu về an toàn lao động khi làm việc với hóa chất, vật tư độc hại

- Tuân thủ theo các quy trình/hướng dẫn đã ban hành và thực hiện đúng nhiệm vụ của công việc mà bạn được đào tạo (bao gồm sử dụng đúng hóa chất cho đúng nhiệm vụ).
- Trước khi làm việc với hóa chất cần thận trọng và có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp khẩn cấp xảy ra.
- Đảm bảo các biện pháp kỹ thuật an toàn được thực hiện và trang bị sẵn sàng các trang bảo hộ cá nhân và trong tình trạng sử dụng tốt.
- Kiểm tra các thùng chứa hóa chất có nhãn mác rõ ràng của nhà sản xuất và trong tình trạng tốt.
- Đọc và tuân thủ các khuyến cáo trên nhãn mác của bao bì và phiếu an toàn hóa chất đi kèm.
- Đảm bảo việc thực hiện vệ sinh công nghiệp tốt trước, trong quá trình và sau khi sử dụng quá chất.

Chú thích:

- *Đối với các vật tư nguy hiểm/độc hại (chất phóng xạ, thuốc diệt cỏ/trừ sâu..) tuân thủ theo các yêu cầu của Luật định và Bộ ngành quản lý liên quan.*
- *Lái xe, nhân viên áp tải hàng nguy hiểm/độc hại phải có chứng chỉ huấn luyện nghiệp vụ vận chuyển hóa chất nguy hiểm tương đương theo quy định tại Nghị định 34/2024/NĐ-CP.*

6.6.2 Yêu cầu về vật tư, hóa chất độc hại

- Tất cả hóa chất sử dụng tại công trường của NCSP phải có phiếu an toàn hóa chất (SDS – Safety Data Sheet) tương ứng kèm theo.



- Phiếu an toàn hóa chất (SDS) phải được gửi cho người phụ trách quản lý hóa chất của NCSP đánh giá rủi ro và phê duyệt trước khi mang vào công trường của NCSP.
- Chai, lọ, bình chứa, thùng chứa hóa chất phải có nhãn mác rõ ràng và đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Thông tư 32/2017/TT-BCT.
- Hóa chất sử dụng không được nằm trong danh mục hóa chất cấm theo quy định của Nghị định 113/2017/NĐ-CP (Trong trường hợp công việc bắt buộc phải sử dụng



thì phải có hồ sơ, bằng chứng được sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền Nhà nước cho phép sử dụng hóa chất cấm).

- Khi làm việc trực tiếp với hóa chất phải tuân thủ tất cả các biện pháp kiểm soát đề cập SDS và bản đánh giá rủi ro của NCSP (nếu có), bao gồm việc sử dụng đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân.

6.6.3 Yêu cầu đối với thiết bị

- Thiết bị sử dụng trực tiếp, tồn chứa hóa chất phải là loại chuyên dụng, tương thích với hóa chất đó, đảm bảo kín và chắc chắn.
- Bồn chứa/thiết bị chứa phải có hình đồ cảnh báo an toàn phù hợp theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) và vị trí dán hình đồ cảnh báo dễ quan sát.
- Mỗi thiết bị hay cụm thiết bị trực tiếp liên quan đến công việc hóa chất phải có qui trình, hướng dẫn vận hành tương ứng và có biện pháp ứng phó trong trường hợp khẩn cấp xảy ra (chảy tràn...).
- Thiết bị chứa hóa chất lỏng phải giữ đúng hệ số điền đầy quy định theo đặc tính hóa lý của hóa chất đó.
- Phương tiện vận chuyển hóa chất, vật liệu nguy hiểm trên đường bộ phải có Giấy phép vận chuyển do tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định tại Nghị định 34/2024/NĐ-CP.

6.6.4 Yêu cầu về trang thiết bị bảo hộ lao động

Phải trang bị đầy đủ BHLĐ khi làm việc trực tiếp với hóa chất, vật tư độc hại theo yêu cầu trong bảng đánh giá rủi ro của NCSP (nếu có) và phiếu an toàn hóa chất (SDS).

Theo một số hướng dẫn cụ thể sau: Trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn). Khi làm việc với hóa chất nguy hiểm có tính ăn mòn, có nhiệt độ cao ở dạng khí, hơi, khói, dạng bình xịt, bụi và những hóa chất phản ứng hóa học tạo ra môi trường có cường độ ánh sáng cao, bức xạ nhiệt phải sử dụng thiết bị bảo vệ mắt (kính chống hóa chất dạng kính bơi - goggle). Phải sử dụng tấm chắn bảo vệ mặt (face shield) khi làm việc với những hóa chất lỏng nguy hiểm có nhiệt độ cao, có tính ăn mòn, có khả năng phản ứng hóa học mạnh, gây nổ, vung, bắn tóe.
- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất. Trong một số trường hợp làm việc với hóa chất có tính ăn mòn, hóa chất có khả năng gây nổ, văng, bắn, phải trang bị tạp dề chống hóa chất.
- Bảo vệ tay: Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, độ bền hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày, độ dẻo của găng tay. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Khi tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm



từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Cao su nitrile, PVC viton.

- Bảo vệ chân: Giày và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất.
- Bảo vệ cơ quan hô hấp: Nếu các biện pháp kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe, hãy chọn thiết bị bảo vệ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn mặt nạ và bộ lọc phù hợp. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxy, không gian hạn chế) sử dụng thiết bị thở có áp suất.

NCSP CAM KẾT SẼ TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT CÓ THỂ VÀ HỢP TÁC VỚI NHÀ THẦU TRONG VIỆC THỰC HIỆN TỐT CÁC YÊU CẦU VÀ QUI ĐỊNH NÀY

CÁC QUY TRÌNH BỔ TRỢ

- OPS-3000-MP-1208 NCSP HSSE Induction Process;
- HSSE-3000-MP-0006 NCSP Security Access Control Procedure
- OPS-3000-MP-1014 NCSP Work Control System;
- HSSE-3000-MP-0013 NCSP Gas Cylinder Management;
- OPS-3000-MP-1405 NCSP Abrasive Wheel Guidelines;
- OPS-3000-MP-1117 NCSP Manual Handling and Lifting Operations;
- HSSE-3000-MP-0015 NCSP Scaffolding Procedure;
- OPS-3000-MP-1116 Entry to NCSP Site's for Vehicles & Portable Diesel Powered Equipment;
- OPS-3000-MP-2016 NCSP PPE Policy;
- SCM-3000-MP-0015 NCSP Contractor Performance Management Procedure.



Phụ lục 1 – Danh sách Nhân sự nhà thầu làm việc tại NCSP

TT	Họ và Tên	Số Căn Cước Công dân/ CMND (1)	Thư cử người (2)	Giấy khám sức khỏe (3)	Thẻ An toàn (4)	Chứng nhận PCCC (5)	Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp (6)
1	Nguyễn Văn A						
2	Trần Văn B						
3						

Ghi chú:

- (2) Thư cử người tới NCSP làm việc có kí tên và đóng dấu của đại diện Ban giám đốc nhà thầu hoặc một email trực tiếp từ người đại diện BGD nhà thầu;
 - (3) Giấy khám sức khỏe chỉ áp dụng cho các công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm
 - (4) Được huấn luyện ATVSLĐ cho những công việc theo yêu cầu của pháp luật và được xác nhận hoặc cấp thẻ bởi cơ quan huấn luyện được nhà nước cho phép
 - (5) Chứng nhận PCCC áp dụng với người làm việc trong khu công nghệ, trạm van Long Hải, trạm phân phối khí Phú Mỹ và các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao
 - (6) Chứng chỉ / bằng cấp nghề nghiệp liên quan theo các ngành nghề pháp luật qui định (Xem chi tiết trong Phụ lục 3)
- * Đối với người lao động nước ngoài chỉ cần bản photo passport hay VISA và không áp dụng các yêu cầu còn lại.



Phụ lục 2 – Danh sách máy móc, thiết bị của nhà thầu sử dụng tại công trường của NCSP

Nhà thầu:.....

Công việc:.....

Ngày..... Tháng.....năm:.....

TT	Tên thiết bị / dụng cụ	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu	Số lượng	Chứng nhận liên quan
1					
2					
3					
4	...				
5					

Người chuẩn bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 3 – Chứng chỉ/ Chứng nhận được yêu cầu đối với Nhà thầu



TT	Công việc	Chứng chỉ/ Chứng nhận được yêu cầu đối với Nhà thầu
1	Các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ An toàn cho người được huấn luyện ATVSLĐ - Nhóm 3 cho các công việc tương ứng với 32 đầu mục công việc được liệt kê trong Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH (Nghị định số 44/2016/ND-CP). Các trường hợp sau cần chú ý: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp 1: Thẻ an toàn ghi tên khóa học phù hợp với công việc, còn hạn và do NSDLĐ/ Tổ chức huấn luyện cấp (khoản 2 Điều 24 Nghị định số 44/2016/ND-CP). - Trường hợp 2: Thẻ an toàn không ghi hoặc ghi không đúng như công việc yêu cầu hoặc ghi chung chung "đã được huấn luyện an toàn nhóm 3" thì yêu cầu họ cung cấp Nội dung huấn luyện thỏa mãn các yêu cầu tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2016/ND-CP. - Trường hợp 3: Thẻ an toàn do NSDLĐ tự huấn luyện thì yêu cầu cung cấp thêm: (1) Nội dung huấn luyện; (2) Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn huấn luyện theo Điều 27 Nghị định số 44/2016/ND-CP và (3) Các yêu cầu về người huấn luyện của doanh nghiệp theo Điều 26 Nghị định số 44/2016/ND-CP.
2	Nâng hạ	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận cho người vận hành cầu và người móc cáp (điểm 3.4.6 QCVN 07:2012/BLĐTBXH); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Vận hành thiết bị nâng hạ (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra cho các thiết bị và phụ kiện nâng hạ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 10-20 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH).
3	Trong Không gian hạn chế	<ul style="list-style-type: none"> - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trong không gian hạn chế (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 13 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH). - Giấy khám sức khỏe. - Các chứng nhận, chứng chỉ khác theo yêu cầu của công việc liên quan được thực hiện (nếu có).



4	Đào đất sử dụng thiết bị thi công	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận cho người vận hành thiết bị thi công theo điểm 2.5.1.2 QCVN 18:2021/BXD; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Vận hành máy xây dựng (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 4 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong khai thác sử dụng (Quy định tại văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT).
5	Phương tiện vào Khu sản xuất và Trạm van	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép lái xe phù hợp. - Đăng kí xe, đăng kiểm xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc. - Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm: tuân thủ thêm về giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm, an toàn lao động đối với người và phương tiện (Điều 9&10 Nghị định số 34/2024/NĐ-CP).
6	Bắn rí	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề bắn nước/ cát; chứng nhận vận hành thiết bị thiết bị bắn nước /cát áp lực, chứng nhận vận hành bơm cao áp, ...v.v; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc bắn rí và làm việc trên cao (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 4, 5 & 6 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kì hàng năm. <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn các thiết bị áp lực và phụ kiện đi kèm như máy nén khí, bộ chia khí, ống mềm, van an toàn, áp kế, ... (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 4-7 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH, điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCHN).



7	Sơn	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề sơn; chứng nhận vận hành thiết bị thiết bị sơn, máy phun sơn, ...; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc sơn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1-2 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kỳ hàng năm. <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn các thiết bị áp lực và phụ kiện đi kèm như máy nén khí, bộ chia khí, ống mềm, van an toàn, áp kế, ... (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 44/2016/ND-CP & số thứ tự thiết bị từ 4-7 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH, điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCN).
8	Cách nhiệt	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận nghề cách nhiệt; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc cách nhiệt (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 11-12 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). - Giấy khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
9	Giàn giáo	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận lắp dựng cho thợ (cấp 1, 2 &3), Chứng nhận giám sát giàn giáo/ Chứng nhận giàn giáo nâng cao; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trên cao (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 7 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Giấy khám sức khỏe định kỳ hàng năm. <p>Vật tư giàn giáo và dụng cụ làm việc (Quy trình giàn giáo của NCSP):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật tư giàn giáo theo tiêu chuẩn châu Âu, chuẩn mực Anh quốc; - Dụng cụ cầm tay phải được neo giữ phòng rơi từ trên cao (túi đeo, đai lưng); - Các vật tư lớn, nặng phải sử dụng dây và dụng cụ đưng hợp lý khi cần di chuyển lên xuống.



10	Hàn điện hay Hàn khí (LPG)	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu Chứng chỉ sơ cấp nghề hàn (điểm 3.4.2.1 QCVN 03:2011/BLĐTBXH, điểm 4.1 QCVN 17:2013/BLĐTBXH); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc hàn ((khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 15 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vỏ chai Oxy và LPG phải được kiểm định và có nhãn theo quy định pháp luật (khoản 2 Điều 10 QCVN 04:2013/BCT chai vỏ thép, điểm 11.4.2 QCVN 16:2022/BCT chai vỏ composite). - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra của các thiết bị đo như đồng hồ, van giảm áp, van một chiều của thiết bị hàn (điểm 5 QCVN 01:2008/BLĐTBXH & Điều 1 Thông tư 03/2024/TT-BKHCHN).
11	Kiểm tra không phá hủy sử dụng nguồn phóng xạ (RT)	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận Kiểm tra không phá hủy bậc 2 về chụp ảnh phóng xạ; - Chứng nhận Nhân viên bức xạ theo Điều 28/ Luật Năng lượng nguyên tử; - Chứng nhận An toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ theo điểm 1a, Điều 5 Nghị định 142/2020/ND-CP; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Công việc bức xạ (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 9 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH); - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).
12	Kiểm tra các đường ống và kết cấu nhà máy	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư kiểm tra: Chứng nhận kiểm định viên API 510 & API 570, đã qua đào tạo về API 653 và Chứng nhận NDT tối thiểu bậc 2; - Kỹ thuật viên Kiểm tra không phá hủy: Chứng nhận Kiểm tra không phá hủy bậc 2 về siêu âm, từ tính và thẩm thấu; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc trên cao, không gian hạn chế (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 7 & 13 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH); - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).



13	Kiểm tra và thử nghiệm các thiết bị nâng hạ	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm định viên: Chứng nhận của Hiệp hội các kỹ sư thiết bị nâng - LEEA; - Kỹ thuật viên: Chứng nhận của ASNT bậc 2 về từ tính và thẩm thấu; - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH). - Chứng nhận PCCC khi làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ (điểm d, khoản 1 Điều 33 Nghị định 136/2020/ND-CP). <p>Thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng nhận kiểm định/ kiểm tra/ hiệu chuẩn cho các máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ cho công việc theo yêu cầu của pháp luật (nếu có).
14	Kiểm định thiết bị nâng hạ (cầu trục, palăng, xe nâng hàng và nâng người) theo yêu cầu Pháp luật.	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH).
15	Kiểm định bình áp lực	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Công thương (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Kiểm tra, kiểm định kỹ thuật an toàn (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH).
16	Chứng giám và cấp chứng nhận van an toàn áp lực	<p>Nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ Kiểm định viên được cấp bởi cơ quan có chức năng của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Điều 10 Nghị định 44/2016/ND-CP); - Thẻ An toàn cho người tham dự huấn luyện ATVSLĐ nhóm 3 - Làm việc với thiết bị áp lực (khoản 3 Điều 17 Nghị định số 44/2016/ND-CP và đầu việc số 1 Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTB-XH) nếu có chứng kiến/ quan sát quá trình kiểm tra PSV.



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng tại Chương VIII)

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

(xem Biểu mẫu hợp đồng đính kèm)





HỢP ĐỒNG

Số: CON#...
Bản sửa đổi số: 0

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG
TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐƯỜNG ống KHÍ NAM CÔN
SON
(NAMCONSON PIPELINE CO)
Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: +84 (254) 3864100
Fax: +84 (254) 3864099

Gửi:
Tel.: Fax:
N.nhận:
Ngân hàng:
Số tài khoản:

Ngày Đặt hàng	Người đặt hàng	Thanh Toán CK 30 NGÀY	Ngày bắt đầu thực hiện	Ngày hoàn thành
---------------	----------------	--------------------------	------------------------	-----------------

Hình thức giao nhận	Địa điểm	Vận chuyển
---------------------	----------	------------

Phạm vi cung cấp

Stt	Mã hàng	SL	ĐVT	DIỄN GIẢI	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN VND
-----	---------	----	-----	-----------	----------------	-------------------

1	...			CUNG CẤP
---	-----	--	--	--------------	------	-------

CONG:
VAT:
TỔNG CỘNG: VND



LƯU Ý:

1. Hợp đồng này được thực hiện trên cơ sở Những Điều kiện chung về Mua, Thuê Hàng hóa / Dịch vụ của NCSP và bản Hướng dẫn riêng đính kèm. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các điều khoản của các tài liệu này thì các điều khoản như qui định trong Bản Hướng dẫn riêng đính kèm theo đây sẽ được áp dụng.
2. Phải ghi rõ số Đơn hàng trên mọi văn bản giao dịch có liên quan, giấy tờ vận chuyển hàng hóa, và hóa đơn.
3. Gửi mọi văn bản, tài liệu đến:
VŨ THỊ MỸ HỒNG
NAMCONSON PIPELINE CO.
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Tel.: +84 (254) 3864100; Fax: +84 (254) 3864099
4. Gửi hóa đơn và bộ chứng từ thanh toán đến:
Người nhận: KẾ TOÁN THANH TOÁN - Phòng Tài Chính Kế toán
NAMCONSON PIPELINE CO.
Tỉnh lộ 44, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: +84 254 3864100; Fax: +84 254 3864099
Email: ncsp.accountant@ncsp.com.vn
5. Đề nghị ký xác nhận việc chấp thuận các điều khoản của Đơn đặt hàng này và Fax lại các trang của Đơn đặt hàng cho Người mua hàng ghi ở mục 3 (ở trên).

T/M. NAMCONSON PIPELINE CO

Chữ ký: _____
Chức vụ: _____
Ngày: _____

Chúng tôi xác nhận chấp thuận Đơn hàng này.

T/M.

Chữ ký: _____
Chức vụ: _____
Ngày: _____



NHỮNG CHỈ DẪN RIÊNG

1. GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG

Tổng giá trị ước tính của HỢP ĐỒNG là **đồng** (Bằng chữ: **đồng chẵn**), đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan (nhân công, thiết bị, vật tư, vận chuyển...) và thuế GTGT 8%, chi tiết như sau:

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng dự kiến	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1					
2					
	Cộng (chưa bao gồm VAT)				
	Thuế GTGT (8%)				
	Tổng giá trị hợp đồng ước tính (bao gồm VAT)				

Khối lượng nêu trên là ước tính, việc thanh toán sẽ dựa trên khối lượng thực tế được xác nhận bởi đại diện các bên.

Đơn giá các hạng mục là cố định trong suốt thời hạn HỢP ĐỒNG. NCSP sẽ từ chối không thanh toán cho bất kỳ hóa đơn nào có giá trị lớn hơn Giá trị HỢP ĐỒNG nêu trên nếu không có văn bản Sửa đổi HỢP ĐỒNG chính thức có sự đồng ý của Hai bên.

Thuế suất GTGT thực tế áp dụng sẽ tuân theo quy định của pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn.

HỢP ĐỒNG có hiệu lực từ ngày ký đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo HỢP ĐỒNG này.

2. PHẠM VI CÔNG VIỆC/DỊCH VỤ

Theo ĐƠN HÀNG này, Nhà thầu sẽ cung cấp dịch vụ cho NCSP như mô tả chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm.

Nhà thầu chỉ được phép thực hiện các hạng mục công việc không thuộc Phạm vi Công việc/ Dịch vụ nói trên khi được Đại diện của NCSP phê chuẩn bằng văn bản.

3. THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỊCH VỤ/ CÔNG VIỆC

Nhà thầu có trách nhiệm huy động, nhân lực để hoàn thành toàn bộ công việc theo thời gian và địa điểm thực hiện dịch vụ chi tiết như quy định tại phạm vi công việc đính kèm, dự kiến bắt đầu từ ngày .../.../2026, kết thúc ngày .../.../2029.

Việc kiểm định được thực hiện thành nhiều đợt. NCSP sẽ thông báo cho Nhà thầu tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện công việc cho mỗi đợt.

4. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG

Nếu Nhà cung cấp chậm trễ trong việc thực hiện DỊCH VỤ theo tiến độ đã cam kết thì NCSP có quyền phạt Nhà thầu với mức phạt lên đến 4% tổng giá trị HỢP ĐỒNG cho mỗi tuần chậm trễ. Thời gian chậm trễ từ 4 ngày trở lên được tính làm tròn là 1 tuần. Thời gian chậm trễ dưới 3 ngày sẽ không được tính.

Nếu việc chậm trễ như nêu trên vượt quá 02 tuần, ngoài việc xem xét áp dụng mức phạt nêu trên, NCSP sẽ xem xét việc quyết định chấm dứt HỢP ĐỒNG. Trong trường hợp đồng ý nhận Hàng và dịch vụ, mức



phạt vi phạm nói trên sẽ được áp dụng. Trong trường hợp NCSP không đồng ý nhận Hàng và dịch vụ và quyết định hủy Hợp đồng, Nhà Cung Cấp phải trả cho NCSP khoản tiền phạt vi phạm bằng 5% giá trị Hợp đồng bằng phương thức chuyển tiền.

Trong mọi trường hợp, tổng số tiền phạt vi phạm theo HỢP ĐỒNG này sẽ không vượt quá 8% giá trị HỢP ĐỒNG.

Mức phạt vi phạm đã được hai bên thỏa thuận và không cần sự can thiệp của Tòa án hoặc Trọng Tài. Số tiền phạt sẽ được NCSP trừ vào số tiền mà NCSP còn đang tạm giữ của Nhà cung cấp trong các Đơn hàng/hợp đồng đang có hiệu lực giữa các bên vào thời điểm đó và/hoặc Nhà cung cấp phải thanh toán ngay (nhưng không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày yêu cầu đầu tiên của NCSP) bằng cách chuyển khoản vào tài khoản do NCSP chỉ định.

Nhà cung cấp vi phạm trong việc thực hiện các đơn hàng với NCSP 02 lần trở lên (từ chối thực hiện đơn hàng khi trúng thầu, trì hoãn công việc, hủy bỏ đơn hàng, chậm tiến độ...) sẽ bị NCSP xem xét về việc không được tham gia các gói thầu tiếp theo của NCSP.

5. ĐẠI DIỆN CỦA NCSP

Đại diện của NCSP cho HỢP ĐỒNG này là:

Ông Nguyễn Đình Định – Trưởng phòng Kinh doanh
NAMCONSON PIPELINE CO.
Xã Long Điền, TPHCM
ĐT.: (84 254) 3864100
Fax: (84 254) 3864099

Liên hệ về Hợp đồng: Bà Vũ Thị Mỹ Hồng – Chuyên viên Mua sắm
ĐT: (84-254) 3864100 ext. 2381
Email: hong.vu@ncsp.com.vn

Liên hệ về kỹ thuật: Ông/Bà –.....
ĐT: (84-254) 3864100 ext.
Email:@ncsp.com.vn

6. ĐẠI DIỆN CỦA NHÀ CUNG CẤP

Đại diện của Nhà cung cấp cho HỢP ĐỒNG này là:

Ông/Bà – Giám đốc
CÔNG TY
....., Việt Nam
Tel.:; Fax:

Liên hệ về Hợp đồng: Ông/Bà –.....
ĐT:
Email:

Liên hệ về kỹ thuật: Ông/Bà –.....
ĐT: (84-254) 3864100 ext.
Email:@ncsp.com.vn

7. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký HỢP ĐỒNG này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu Nhà cung cấp phải thông báo bằng fax/trực tiếp bằng văn bản cho NCSP về việc phát hành Bảo đảm thực hiện HỢP ĐỒNG (theo mẫu trong Phụ lục số 02 dưới đây là bộ phận không tách rời của HỢP ĐỒNG này) có giá trị tương đương với 3% giá trị HỢP ĐỒNG. Bảo đảm này được phát hành bởi Ngân hàng lớn, được thành lập hợp pháp tại Việt Nam và được NCSP chấp nhận.



Nhà cung cấp cũng phải thông báo cho NCSP số, ngày và toàn bộ nội dung của Bảo đảm. Nhà cung cấp chịu tất cả chi phí liên quan đến việc phát hành Bảo đảm thực hiện HỢP ĐỒNG.

Nếu NCSP không nhận được Bảo đảm có hiệu lực trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ký HỢP ĐỒNG (hoặc bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu), NCSP có quyền hủy bỏ HỢP ĐỒNG vào bất cứ lúc nào và rút Bảo đảm dự thầu hoặc áp dụng chế tài phạt vi phạm mà không cần có sự can thiệp của tòa án hoặc trọng tài.

Nếu phải gia hạn thêm hiệu lực Bảo đảm thực hiện HỢP ĐỒNG, Nhà cung cấp phải lập tức yêu cầu Ngân hàng Phát hành sửa đổi Bảo đảm. Ngân hàng Phát hành phải thông báo cho NCSP tất cả các sửa đổi này thông qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Vũng Tàu.

8. THANH TOÁN

NCSP thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản do Nhà thầu chỉ định trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành trọn vẹn Công việc của mỗi đợt kiểm định và NCSP nhận được bộ chứng từ thanh toán từ Nhà thầu như sau:

Bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

- Hóa đơn VAT (bản gốc);
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc của mỗi đợt kiểm định có xác nhận của NCSP (theo mẫu tại Phụ lục 03 đính kèm).

Việc thanh toán sẽ không ảnh hưởng đến việc về sau này NCSP có quyền yêu cầu kiểm chứng sự chính xác của Hóa đơn của Nhà cung cấp.

9. HÓA ĐƠN

Bản gốc Hóa đơn VAT (HÓA ĐƠN) và các chứng từ khác của Nhà cung cấp phải ghi rõ những chi tiết sau:

Tên Công ty	: CN TCT Khí VN – CTCP – Công ty Đường Ống Khí Nam Côn Sơn
Địa chỉ	: Tỉnh lộ 44, xã Long Điền, TPHCM.
Mã số thuế	: 3500410112-001
Số HỢP ĐỒNG	:

Hóa đơn tài chính ghi rõ số HỢP ĐỒNG, thông tin hàng hóa/dịch vụ theo đúng chi tiết các hạng mục & đơn giá trong HỢP ĐỒNG;

HÓA ĐƠN và các tài liệu chứng từ khác nếu có phải được gửi bằng đường bưu điện ngay sau khi hoàn tất DỊCH VỤ tới địa chỉ của NCSP nêu trên cho người nhận dưới đây để giải quyết mọi yêu cầu về việc thanh toán:

Người nhận:	KẾ TOÁN THANH TOÁN – Phòng Kế toán
Điện thoại:	+84 (254) 3 864100
Fax:	+84 (254) 3 864099
Email:	ncsp.accountant@ncsp.com.vn

Việc không tuân thủ các hướng dẫn nói trên sẽ dẫn đến việc HÓA ĐƠN bị hoàn trả hoặc thanh toán chậm trễ.

Nếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn thành công việc mà NCSP không nhận được hóa đơn tài chính hợp pháp, hợp lệ của Nhà cung cấp, NCSP sẽ có quyền từ chối thanh toán cho hóa đơn đó.

Nhà cung cấp phải đảm bảo các hóa đơn tài chính xuất cho NCSP là hóa đơn hợp pháp. Trường hợp hóa đơn của Nhà cung cấp đã xuất cho NCSP bị cơ quan chức năng tuyên bố không hợp pháp dẫn đến phát sinh các tổn thất về pháp lý, về thuế cho NCSP, Nhà cung cấp có trách nhiệm bồi thường cho NCSP toàn bộ các tổn thất đó.



10. KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ TUÂN THỦ

Mọi hạng mục Công việc thuộc Phạm vi Công việc/Dịch vụ sẽ được các Giám sát viên của NCSP giám sát về lĩnh vực qui trình làm việc, các qui định, qui chế về an toàn của NCSP áp dụng tại Nhà máy khí Nam Côn Sơn. Chỉ những hạng mục công việc nào tuân thủ các qui trình làm việc, các qui định về an toàn của NCSP mới được phép thực hiện.

Tất cả các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ... Nhà cung cấp sử dụng để thực hiện Công việc phải phù hợp với yêu cầu của Công việc, có giấy chứng nhận thích hợp và phải được nhân viên phụ trách của NCSP kiểm tra an toàn trước khi đưa vào công trường.

Nhân sự của Nhà cung cấp trực tiếp tham gia thực hiện Công việc phải được trang bị đồ bảo hộ đầy đủ, phù hợp với yêu cầu của Công việc và tuân thủ các qui định của NCSP.

11. NGHĨA VỤ PHÁP LÝ

Bất kể các qui định tại Điều 10 của phần Các Điều khoản Chung đính kèm, Nhà cung cấp phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về bất kỳ sự hư hại đến tài sản nào của NCSP mà Nhà cung cấp gây ra trong quá trình thực hiện Công việc.

12. QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ MÔI TRƯỜNG

NCSP tuân thủ nghiêm ngặt Quy định về An toàn – Sức khỏe – Môi trường, và yêu cầu Nhà cung cấp trong quá trình thực hiện đơn hàng này phải chấp hành mọi qui định trong và ngoài nước liên quan đến các vấn đề này.

Trong quá trình cung cấp dịch vụ và/hoặc hoàn thành công việc theo HỢP ĐỒNG này tại các địa điểm thuộc phạm vi quản lý của NCSP, Nhà cung cấp phải luôn tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn từ Đại diện của NCSP và các qui định về hệ thống giấy phép làm việc của NCSP cũng như những qui định an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường và phòng chống cháy nổ trong tài liệu số HSE-3000-MP-0044 đính kèm.

Các chất thải phát sinh từ công việc phải được Nhà cung cấp xử lý bằng chi phí của mình theo đúng quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.



PHỤ LỤC 01
PHẠM VI CÔNG VIỆC



PHỤ LỤC 02

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Kính gửi: _____ [Ghi tên công ty]
(sau đây gọi là công ty)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và đã ký hợp đồng cung cấp _____ [mô tả hàng hóa/dịch vụ] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);

Theo quy định trong hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho công ty bảo đảm của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] ở _____ [Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là VND (Bằng chữ: _____), tương đương 3% giá trị Hợp đồng.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho công ty bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo đảm] như đã nêu trên, khi có văn bản của công ty thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bảo đảm này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm _____. (ngày kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng cộng 60 ngày)

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Phụ lục 03

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Hợp đồng/ Đơn hàng số:

I.Địa điểm nghiệm thu:

Vào hồigiờphút, ngày.....thángnămchúng tôi gồm:

II.Các bên tham gia nghiệm thu:

Ông (Bà):Chức danh.....Công ty.....

Ông (Bà):Chức danh.....Công ty.....

Sau khi kiểm tra các hạng mục công trình mà Nhà cung cấp đã thực hiện theo Hợp đồng/Đơn hàng sốcủa Công ty Đường Ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP),

Hai bên cùng tiến hành lập Biên bản nghiệm thu với nội dung như sau:

1- NGHIỆM THU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC (Cán bộ chuyên môn phòng ban chức năng (End-user)).

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng đã thực hiện	Đạt tiêu chuẩn kỹ thuật
1				
2				
3				
	Kết luận chung			

Ý kiến (nếu có):

2- NGHIỆM THU CÁC YÊU CẦU KHÁC :

2.1- Vật tư, hàng hóa (nếu có):

2.2- Nhân sự nhà cung cấp/nhà thầu (nếu có):

2.3- Tài liệu (nếu có):

2.4- Hướng dẫn vận hành (nếu có):

STT	Nội dung hướng dẫn	Ghi chú	Chữ ký	
			Người hướng dẫn	Người được hướng dẫn
1			Ngày:..... Chức danh:.....	Ngày:..... Chức danh:.....
2			Ngày:..... Chức danh:.....	Ngày:..... Chức danh:.....

III.Kết luận: Công việc/ Dịch vụ đã được hoàn thành *đầy đủ (hoặc các phần....)* theo quy định trong Hợp đồng/ Đơn hàng số:

Nhận xét khác (nếu có):.....

Việc ký kết Biên bản nghiệm thu này không miễn trừ Nhà cung cấp khỏi nghĩa vụ bảo hành và các trách nhiệm như quy định trong Hợp đồng/Đơn hàng số.:



Đại diện của hai bên ký kết Biên bản nghiệm thu này thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau; mỗi bên giữ một bản.

NCSP
Phụ trách kỹ thuật (End-User): Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
Trưởng nhóm (User's Line Manager) Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
Đại diện NCSP (FAL* Approver) Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....

NHÀ CUNG CẤP
Giám sát của Nhà cung cấp: Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....
Đại diện Nhà cung cấp: Tên:..... Ngày:..... Chức vụ:.....



1. ĐỊNH NGHĨA

"Bên Mua" hoặc "NCSP"	Có nghĩa là Công ty Đường ống Khí NAM CÔN SƠN.
"Nhà cung cấp"	Có nghĩa là người hoặc những người, hãng hoặc công ty mà tài liệu này được gửi tới và thông qua Hợp đồng, cam kết cung cấp, giao hoặc cho thuê các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ cho NCSP.
"Các Bên"	Có nghĩa là Bên Mua và Nhà cung cấp và "Bên" có nghĩa là bất kỳ bên nào trong số họ.
"Hợp đồng"	Có nghĩa là hợp đồng giữa Bên Mua và Nhà cung cấp gồm có Đơn đặt hàng/Dịch vụ, các Chỉ dẫn riêng đối với Nhà cung cấp và các Điều kiện chung này về Mua, thuê hàng hoá, dịch vụ bao gồm bất kỳ bổ sung, điều chỉnh hoặc thay đổi nào từ đó được các Bên thỏa thuận bằng văn bản và ký.
"Đơn đặt hàng / Dịch vụ"	Có nghĩa là đơn đặt hàng/dịch vụ do NCSP lập cho Nhà cung cấp, mà các Chỉ dẫn riêng và các Điều kiện Chung này được đính kèm theo đó và tạo thành một phần không thể tách rời.
"Các Chỉ dẫn riêng"	Có nghĩa là các hướng dẫn bằng văn bản do NCSP đưa ra cho Nhà cung cấp, được đính kèm theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ, quy định việc Nhà cung cấp phải tuân thủ, trong số những điều khác, phạm vi các Dịch vụ sẽ được thực hiện, và/hoặc các chi tiết của các hàng hóa sẽ được cung cấp, bởi Nhà cung cấp theo Hợp đồng, bao gồm các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong đó hoặc tạo thành phần đính kèm theo đó.
"Đại diện của NCSP"	Có nghĩa là người được chỉ định trong các Chỉ dẫn riêng cho Nhà cung cấp và do NCSP chỉ định hiện thời hoặc tùy từng thời điểm để thực hiện (các) chức năng được giao cho người đó liên quan đến Hợp đồng này.
"Hàng hóa"	Có nghĩa là hàng hóa sẽ do Nhà cung cấp cung cấp như mô tả trong Đơn đặt hàng/ Dịch vụ.
"Dịch vụ"	Có nghĩa là các dịch vụ sẽ do Nhà cung cấp thực hiện và hoàn thành, bao gồm nhưng không giới hạn cho thuê, cung cấp và/hoặc giao các Hàng hóa, được mô tả trong Đơn đặt hàng/Dịch vụ.

2. HỢP ĐỒNG

- (a) Hợp đồng ký kết giữa Bên Mua và Nhà cung cấp được dùng cho việc cho thuê, mua bán và giao các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ được mô tả trong Hợp đồng và trong các quy cách hoặc bản vẽ được đề cập trong Hợp đồng và bao gồm tất cả các dụng cụ thiết bị bảo vệ, việc sơn, đóng gói, đóng dấu, dán nhãn, in khắc, in dấu và/hoặc đánh dấu trên hoặc của các Hàng hóa. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng, việc lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào khác trên công trường đều được loại trừ.
- (b) Các Điều kiện Chung này sẽ tạo thành một phần của Hợp đồng. Không phần nào của các Điều kiện Chung này được thay đổi và/hoặc bãi bỏ bởi bất kỳ điều kiện nào có trong các bản chào giá, thư, thông báo, hóa đơn, chỉ thị hoặc các thông tin liên lạc khác do mỗi bên phát hành trừ khi do các Bên cùng thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản.

3. CHUYỂN NHƯỢNG VÀ HỢP ĐỒNG PHỤ

- (a) Nhà cung cấp sẽ không chuyển nhượng Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Mua.
- (b) Nhà cung cấp sẽ không hợp đồng lại Hợp đồng hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng mà không có thông báo trước bằng văn bản cho Bên mua về việc hợp đồng lại đó, trong đó nêu đầy đủ các chi tiết của mỗi hạng mục sẽ được hợp đồng lại và nhà thầu phụ dự kiến. Bên Mua giữ quyền bác bỏ bất kỳ việc sắp đặt hợp đồng lại nào mà Bên Mua từ chối, trong thời hạn hợp lý từ khi nhận thông báo về việc hợp đồng lại. Quyền của Nhà cung cấp được hợp đồng lại sẽ không giảm trừ bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào.

4. CÁC BẢN VẼ VÀ DỮ LIỆU KỸ THUẬT

- (a) Bất kỳ sai lệch hoặc thay đổi nào về bất kỳ các quy cách hoặc bản vẽ nào tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng đều tùy thuộc sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua. Nếu Nhà cung cấp cho rằng có bất kỳ sai sót hoặc mâu thuẫn nào trong các quy cách hoặc bản vẽ đó hoặc bất kỳ thay đổi nào cần thực hiện trong đó, Nhà cung cấp sẽ ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Mua. Các quy cách hoặc bản vẽ do Bên Mua cung cấp liên quan đến Hợp đồng sẽ được Nhà cung cấp giữ bí mật, và sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Mua, hoặc được Nhà cung cấp sử dụng trừ khi để thực hiện Hợp đồng.
- (b) Khi Bên Mua yêu cầu, Nhà cung cấp phải cung cấp các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật cho Bên Mua phê chuẩn và/hoặc cho các mục đích xác nhận. Tuy nhiên, bất kỳ việc chấp thuận nào như trên sẽ không ngụ ý rằng Bên Mua đã kiểm tra, xác minh, hoặc chịu trách nhiệm về tính chính xác của các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật ngoài các bản vẽ và dữ liệu kỹ thuật của Bên Mua.

5. QUYỀN SÁNG CHẾ

Nhà cung cấp sẽ hoàn toàn bảo đảm cho Bên Mua không phải chịu tất cả các khiếu nại, trách nhiệm, hư hại, mất mát, chi phí và phí tổn liên quan đến sự vi phạm hoặc vi phạm bị quy kết của bất kỳ bằng sáng chế, thiết kế đã đăng ký, nhãn hiệu thương mại, nhãn dịch vụ, bản quyền, hoặc bảo hộ tương tự nào phát sinh từ bất kỳ việc nào do Nhà cung cấp hoặc các nhà cung cấp phụ hoặc nhà thầu phụ của Nhà cung cấp thực hiện có liên quan đến Hàng hóa hoặc Dịch vụ theo Hợp đồng hoặc bất kỳ việc sử dụng nào từ đó, hoặc việc Bên Mua bán lại các Hàng hóa.

6. KIỂM SOÁT QUI TRÌNH, KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

- (a) Bên Mua sẽ được quyền theo ý muốn của mình và sau khi gửi thông báo hợp lý đến Nhà cung cấp, kiểm soát tiến trình của Nhà cung cấp trong việc thực hiện Hợp đồng, kiểm tra hàng hóa và/hoặc các vật tư được sử dụng liên quan đến việc đó, và thực hiện các thử nghiệm như được hoặc có thể được mô tả trong Hợp đồng trong khi chế tạo các Hàng hóa và/hoặc thực hiện các Dịch vụ và trước khi giao các Hàng hóa đó, hoặc hoàn tất các Dịch vụ đó. Nhà cung cấp phải cấp cho Đại diện của Bên mua mọi phương tiện cho các mục đích như vậy kể cả việc tiếp cận các công việc của Nhà cung cấp (hoặc các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp) tại tất cả các thời điểm hợp lý. Bất kỳ việc kiểm soát, kiểm tra và thử nghiệm như trên sẽ không giảm trừ cho Nhà



cung cấp bất kỳ nghĩa vụ nào của Nhà cung cấp theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào, hoặc khỏi các nghĩa vụ hiện có theo luật hiện hành của Việt Nam.

- (b) Tất cả các Hàng hóa sẽ được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm chức năng để bảo đảm rằng chúng ở trong điều kiện thỏa đáng trước khi giao. Bất kỳ các Hàng hóa nào nhận tại Việt Nam mà bị phát hiện không được cung cấp theo Đơn đặt hàng/Dịch vụ hoặc bị khiếm khuyết hoặc trong tình trạng không thỏa đáng do thiết kế sai, vật tư kém chất lượng hoặc tay nghề không đạt chuẩn sẽ được trả lại cho Nhà cung cấp bằng chi phí và phí tổn của Nhà cung cấp và Nhà cung cấp phải cố gắng hết sức để cung cấp hàng thay thế tương đương hoặc tốt hơn không chậm trễ và không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào cho Bên Mua.

7. GIAO HÀNG

Việc giao các Hàng hóa và/hoặc hoàn thành các Dịch vụ sẽ tuân thủ những yêu cầu và chỉ dẫn của Hợp đồng.

8. CÁC QUI ĐỊNH VỀ AN TOÀN

Nhà cung cấp phải tuân thủ những nội quy an toàn của Bên Mua khi tiến hành việc giao hàng tới hoặc thực hiện công việc tại cơ sở của Bên Mua hoặc khi Hợp đồng yêu cầu lắp đặt hoặc lắp ráp bất kỳ sản phẩm, máy móc hoặc thiết bị hoặc hay vật tư nào khác tại cơ sở của Bên Mua (kể cả các cơ sở do Bên Mua thuê).

9. BẢO HÀNH

Hàng hóa được cung cấp cho Bên Mua sẽ mới nguyên với bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà cung cấp bao gồm các chi phí sửa chữa/thay thế cho hàng hóa đó. Trong thời gian bảo hành, trừ khi được quy định rõ trong các Chỉ dẫn riêng, hàng hư hỏng, thiếu hụt hoặc khiếm khuyết sẽ được gửi trả cho Nhà cung cấp để sửa chữa và/hoặc thay thế với toàn bộ cước phí (đến và từ Nhà cung cấp) sẽ do Nhà cung cấp tự chịu.

10. TRÁCH NHIỆM

- (a) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi tất cả các thiệt hại và khiếu nại về thương tích hoặc hư hại đối với các bên thứ ba hoặc bất kỳ tài sản nào của các bên thứ ba có thể phát sinh từ hoặc do hậu quả của việc cung cấp các Hàng hóa và/hoặc các Dịch vụ theo Hợp đồng, và tất cả các khiếu nại, yêu cầu, chi phí, tiền thù lao và phí tổn khác phát sinh liên quan đến hoặc thuộc về việc cung cấp các hàng hóa và/hoặc dịch vụ.
- (b) Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm, bảo đảm và giữ cho Bên Mua tránh khỏi bất kỳ thiệt hại hay bồi thường nào phải trả theo luật liên quan đến hoặc do hậu quả của bất kỳ tai nạn hoặc thương tích nào đối với các nhân viên của Nhà cung cấp hoặc các nhân viên của các nhà thầu phụ của Nhà cung cấp, và liên quan đến bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào đối với tài sản, thiết bị và dụng cụ của họ trừ khi các thiệt hại hoặc mất mát là do sự cố của Bên Mua.
- (c) Không giới hạn những nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà cung cấp theo Hợp đồng, Nhà cung cấp phải thu xếp và duy trì với một công ty bảo hiểm có danh tiếng, khoản bảo hiểm đầy đủ để trang trải cho các trách nhiệm nói trên.

11. CHẤM DỨT

Bên Mua có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào trong trường hợp Nhà cung cấp vi phạm hoặc phạm lỗi không có nguyên nhân. Nếu Bên Mua chấm dứt Hợp đồng không có nguyên nhân, Bên Mua phải hoàn trả cho Nhà cung cấp mọi chi phí đã phát sinh theo Hợp đồng và các chi phí có thể tính cho Bên mua (trên cơ sở trả thù lao công bằng) cho tới và kể cả thời điểm chấm dứt đó, cộng một số tiền sẽ do các Bên thỏa thuận, tương trưng cho lợi tức hợp lý của Nhà cung cấp đến thời điểm đó.

12. NHÂN SỰ CỦA NHÀ CUNG CẤP

Trừ khi được quy định riêng biệt trong Hợp đồng, Nhà cung cấp phải tự mình chịu trách nhiệm về và đáp ứng mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc Nhà cung cấp tuyển dụng nhân sự cần cho việc hoàn thành Hợp đồng.

13. VẬN CHUYỂN

Việc vận chuyển nhân sự, hàng hóa, máy móc và thiết bị sẽ do Nhà cung cấp chi trả và chịu trách nhiệm trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng.

14. KHÔNG CUNG CẤP

Nếu Nhà cung cấp không cung cấp các Hàng hóa hay các Dịch vụ quy định trong Hợp đồng, thì, cho dù Nhà cung cấp có thực hiện bất kỳ biện pháp khắc phục nào khác đối với Bên Mua, tất cả các khoản tiền Bên Mua phải trả theo Hợp đồng sẽ bị ngừng lại kể từ khi bắt đầu không cung cấp và trong suốt thời gian không cung cấp.

15. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (a) Hợp đồng được điều chỉnh bởi và sẽ được giải thích theo luật pháp Việt Nam.
- (b) Các Bên phải cố gắng giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Hợp đồng hoặc bất kỳ quyền, nhiệm vụ hoặc trách nhiệm của bất kỳ Bên nào liên quan đến Hợp đồng bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp các Bên không đạt được giải pháp bằng thương lượng và hòa giải, tranh chấp sẽ được đưa ra, và giải quyết theo các quy tắc trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam để phân xử tại Việt Nam. Các Bên thỏa thuận tuân thủ bất kỳ quyết định hoặc lệnh trọng tài nào được đưa ra theo việc phân xử đó và quyết định hoặc lệnh đó sẽ là chung thẩm và ràng buộc các Bên.
- (c) Việc bắt đầu các thủ tục trọng tài theo Điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc các Bên tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng về bất kỳ phương diện nào. Khi bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc khi tranh chấp đang được trọng tài phân xử, trừ những vấn đề đang tranh chấp, các Bên phải tiếp tục thực thi các quyền tương ứng còn lại, và thực hiện các nghĩa vụ tương ứng còn lại theo Hợp đồng.

16. THUẾ

Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng, các quy định sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) Nhà cung cấp được xem là đã biết và đã tự tìm hiểu đầy đủ về các nghĩa vụ của Nhà cung cấp theo luật thuế Việt Nam liên quan đến Hợp đồng này.
- (b) Nhà cung cấp phải nộp bất kỳ khoản thuế nào tính cho Nhà cung cấp một cách thích hợp và hợp pháp. Hơn nữa, Nhà cung cấp phải bảo đảm việc bất kỳ nhà thầu phụ nào của Nhà cung cấp nộp các khoản thuế liên quan đến các hoạt động theo Hợp đồng.



Mẫu số ____

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư _____ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Bên mời thầu _____ [*ghi tên Bên mời thầu*] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng, trường hợp hoàn thiện hợp đồng trên Hệ thống thì nêu rõ*];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [*ghi thời gian ký kết hợp đồng*]; tại địa điểm ____ [*ghi địa điểm ký kết hợp đồng*], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu qui định tại Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại “Biểu mẫu hợp đồng” thuộc E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

